SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số **4103008926** do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Đăng ký niêm yết số: 14/QĐ – SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 02 năm 2009)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Trụ sở chính: 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM.

Điện thoại: (84-8) 3940 4271 Fax: (84-8) 3940 4711 Website: http://www.vitranschart.com.vn

Email: vtc-hcm@vitranschart.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 16 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Bà Đoàn Thị Thu Hòa

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thư ký Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số **4103008926** do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 02 năm 2009)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết :	40.000.000 cổ phần.
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	400.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Viet Capital Securities

Trụ sở chính :	Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại:	(84-8) 3914 3588
Fax:	(84-8) 3914 3209
Website :	www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006, 2007

Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 38272285

Fax: (08) 38272300

NỘI DUNG

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1

1. Rủi ro kinh tế: 1
2. Rủi ro về pháp luật 3
3. Rủi ro trong kinh doanh. 3
4. Rủi ro về tỷ giá: 5
5. Rủi ro khác: 5

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5

1. Tổ chức niêm yết: 5
2. Tổ chức tư vấn : 6

III. CÁC KHÁI NIỆM: 6

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT: 6

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: 6
   - *1.1. Lịch sử hình thành và phát triển: 6*
   - *1.2. Giới thiệu về Công ty: 9*
2. Cơ cấu bộ máy tổ chức 10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 12/09/2008: 25
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết: 27
   - *5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam như sau: 27*
   - *5.2. Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: 27*
6. Hoạt động kinh doanh: 27
   - *6.1. Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ: 27*
   - *6.2. Sản lượng, doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm: 28*
   - *6.3. Nguyên vật liệu: 33*
   - *6.4. Chi phí sản xuất: 33*
   - *6.5. Trình độ công nghệ: 34*
   - *6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: 38*
   - *6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ: 38*
   - *6.8. Hoạt động Marketing: 40*
   - *6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ: 41*
   - *6.10. Các Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết: 41*
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: 43

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2006, 2007 và năm 2008 43

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua: 44

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành: 45

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành: *45*

8.2. Triển vọng phát triển của ngành Vận tải biển: *49*

8.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty: *51*

9. Chính sách đối với người lao động: 51

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty: *51*

9.2. Chính sách đối với người lao động: *52*

10. Chính sách cổ tức: 53

11. Tình hình hoạt động tài chính: 53

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản: 53

11.2 Giải trình các khoản loại trừ trong báo cáo kiểm toán năm 2007 59

11.3 Giải thích chênh lệch giữa số liệu đầu kỳ năm 2008 với số liệu báo cáo kiểm toán năm 2007.62

11.4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: 63

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: 63

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị: *64*

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát: *72*

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc: *75*

12.4. Kế toán trưởng : *75*

13. Tài sản: 76

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009: 78

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức: 80

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: 81

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:81

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT: 81

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông 81

2. Mệnh giá: 10.000 đồng 81

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết : 40.000.000 cổ phiếu 81

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định : 24.091.600 cổ phiếu 81

5. Giá niêm yết dự kiến : 24.000 đồng/cổ phần 82

6. Phương pháp tính giá: 82

6.1. Phương pháp P/E 82

6.2. Theo phương pháp "Chiết khấu luồng cổ tức": 83

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài 83
8. Các loại thuế có liên quan: 84
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT: 85
1. Tổ chức tư vấn: 85
2. Tổ chức kiểm toán: 85
VII. PHỤ LỤC: 86

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế:

Nền kinh tế Việt Nam đã phát triển khá cao trong những năm vừa qua, trong vòng 5 năm luôn đạt tốc độ tăng trưởng từ 7% - 8,5%, dự báo nền kinh tế trong nước sẽ vẫn giữ GDP đạt trên 6% trong những năm tới. Tuy nhiên, trong những tháng đầu năm 2008 chỉ số giá tiêu dùng CPI diễn biến theo chiều hướng không có lợi cho nền kinh tế có mức độ tăng cao hơn mức tăng trưởng của GDP nên nhìn chung nền kinh tế có chiều hướng chậm lại.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của Việt Nam năm 2008

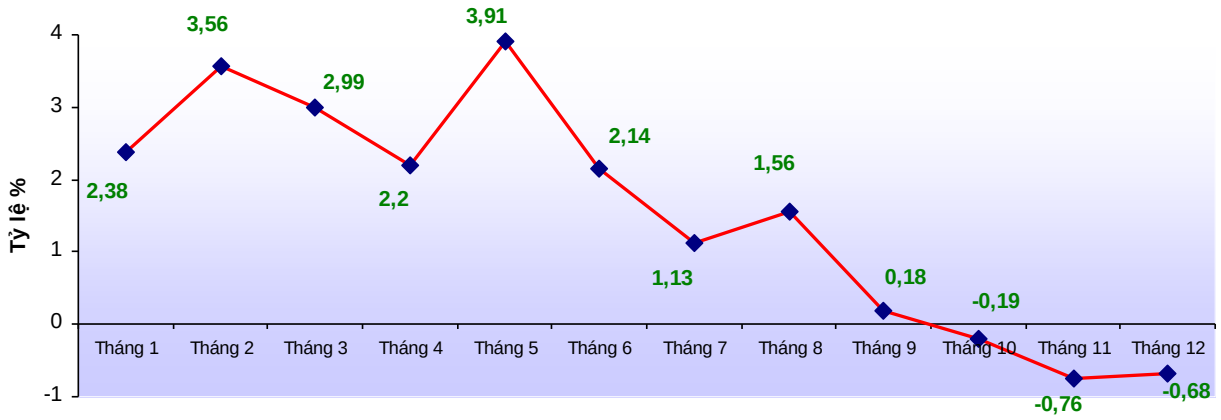

Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số CPI trong những tháng đầu năm 2008 và chịu áp lực của việc tăng giá xăng dầu vào cuối tháng nên mức tăng chỉ số giá cao. Tuy nhiên, khi chính sách thắt chặt tiền tệ phát huy tác dụng trong Quý IV/2008 đã góp phần kiềm chế mức tăng giá CPI trong các tháng cuối năm. Hơn nữa, trong những tháng cuối năm, giá xăng đã được điều chỉnh giảm cũng góp phần tích cực làm giảm CPI.

Bên cạnh đó, các biện pháp kiểm soát việc tăng giá của những mặt hàng khác theo sau việc tăng giá xăng cũng đang được thực hiện nhằm đảm bảo việc duy trì một mức giá hợp lý. Chính phủ đã đưa ra những biện pháp hành chính mạnh như khống chế việc tăng giá của các mặt hàng thiết yếu, yêu cầu doanh nghiệp phải sắp xếp hoạt động kinh doanh theo hướng tiết kiệm và hiệu quả hơn, phải giải trình tính hợp lý trước khi tăng giá. Đồng thời, giá vận chuyển công cộng được trợ giá (xe buýt) và một số mặt hàng thiết yếu như than, điện, nước không tăng giá cho đến cuối năm ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng trong những tháng cuối năm giảm mạnh.

- **Kim ngạch xuất nhập khẩu**

Vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển là một trong các khâu tạo điều kiện cho hàng hóa được thông thương trên thị trường, phục vụ cho nhiều ngành nghề khác nhau đặc biệt là hoạt động vận chuyển đường dài, chở hàng xuất nhập khẩu giữa các nước vì hơn 80% hàng

hoá vận chuyển xuất nhập khẩu thông qua đường biển. Những thay đổi về chính sách và tình hình của nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu và gây tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này trong đó có Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam. Trong 6 tháng đầu năm thâm hụt thương mại là 14,8 tỷ USD tương đương 49,8% kim ngạch xuất khẩu và bằng 20% GDP năm 2007, vượt quá mức thâm hụt của cả năm 2007.

Tình hình trên được dự báo sẽ còn khó khăn hơn trong năm 2009 khi nguy cơ thị trường xuất khẩu của Việt Nam có khả năng bị thu hẹp. Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ sẽ ảnh hưởng lớn đến tốc độ gia tăng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này, vốn là thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Bên cạnh đó, da giầy đang gặp khó khăn do EU thôi cấp ưu đãi, mặt hàng than đá đang được tổ chức quản lý lại và con số 32 triệu tấn than xuất khẩu của năm trước đã khép lại những năm xuất than nhộn nhịp của Việt Nam… một loạt khó khăn trên ảnh hưởng đến sản xuất xuất khẩu thêm vào đó là vấn đề thiếu điện cho sản xuất, gánh nặng lãi suất vay vốn ngân hàng của các doanh nghiệp, là những vật cản làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh doanh xuất nhập khẩu dẫn đến ách tắc trong ngành vận tải biển. Tuy nhiên, rủi ro này không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Vitranschart do Công ty chưa hoạt động mạnh trong thị trường này.

Hiện nay hơn 80% lượng hàng xuất nhập khẩu là đi bằng phương tiện đường biển là do các chủ tàu là các Công ty nước ngoài nên khi kim ngạch xuất nhập khẩu không cao sẽ làm ảnh hưởng đến nhu cầu vận chuyển của các Công ty vận chuyển trong nước nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh của Vitranschart nói riêng.

Thâm hụt thương mại 7 tháng đầu năm 2008 (Tỷ USD)

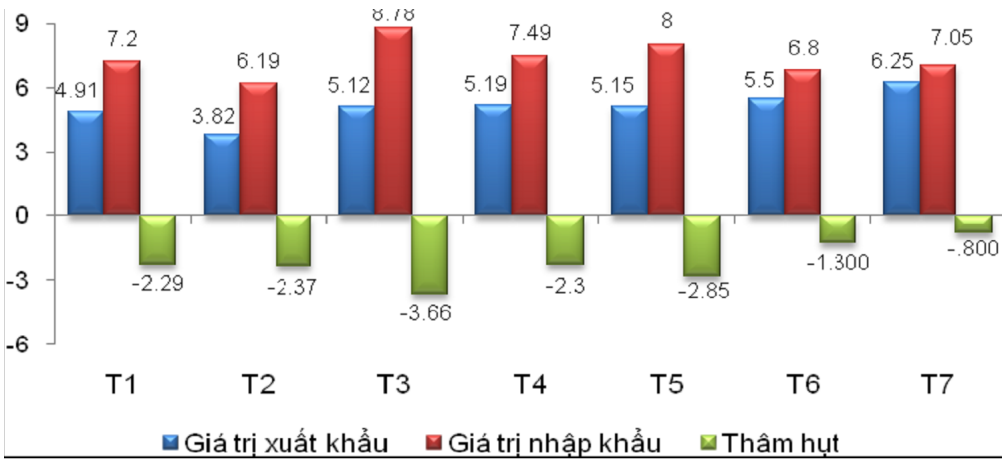

Nguồn: Bộ Công thương

Bên cạnh đó, dự báo kinh tế Thế giới sẽ tăng trưởng chậm hơn đáng kể so với năm 2007 cộng thêm những biến động khó lường của kinh tế thế giới, kéo theo sức ép lạm phát, và nhiều nhân tố rủi ro đi kèm có thể tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam thêm vào đó là giá dầu thế giới có biến động mạnh làm ảnh hưởng mạnh đến chi phí đầu vào của ngành vận tải. Đây là những thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách của Việt Nam hiện nay, có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro đáng ngại đối với hoạt động của Công ty. Hơn nữa, doanh nghiệp vẫn có định hướng phát triển riêng cho mình trong ngắn hạn cũng như chiến lược phát triển lâu dài trong tương lai dựa trên các thị trường tiềm năng và ổn định mà Công ty đang khai thác.

2. Rủi ro về pháp luật

Là Công ty cổ phần, nên hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Hơn thế nữa hoạt động kinh doanh của Vitranschart liên quan trực tiếp đến vấn đề môi trường trên biển. Vitranschart luôn tuân thủ các công ước Quốc tế về an toàn môi trường, bảo vệ sinh mạng trên biển. Do đó những thay đổi về quy định an toàn của Nhà nước và Quốc tế cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Tuy nhiên, điều này cũng là cách phòng ngừa các thiệt hại nặng nề có thể xảy ra cho hoạt động vận tải trên biển.

3. Rủi ro trong kinh doanh.

- **Tác động của biến động giá dầu trên thế giới**

Hiện nay, tình hình vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, không chỉ vì áp lực giá cước mà còn vì sự biến động không ngừng của thị trường nhiên liệu. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển, nên kết quả sản xuất kinh doanh của Vitranschart bị ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn từ giá xăng dầu mà phần lớn lượng xăng dầu tiêu thụ của Vitranschart hiện nay là mua trực tiếp từ nước ngoài nên những biến động của giá dầu thế giới tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tỷ trọng chi phí nhiên liệu trên tổng chi phí khoảng 17%-20% trong năm 2007 và trong năm 2008.

Biến động giá dầu thế giới trong thời gian qua

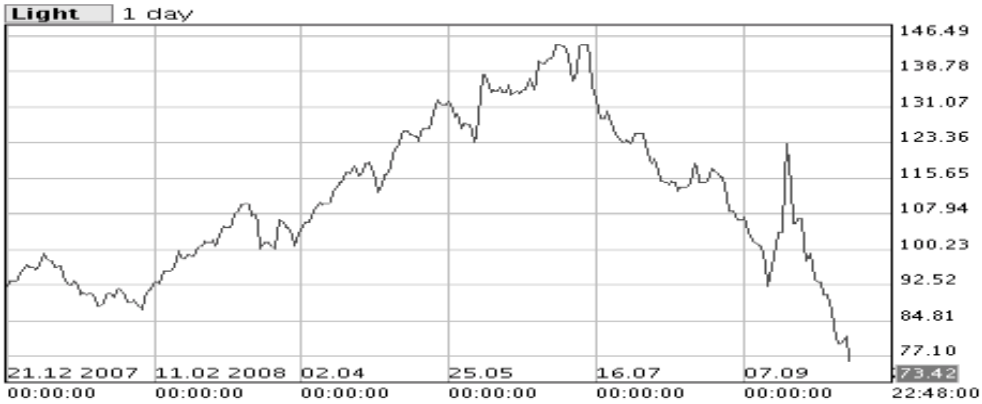

Nguồn: http://www.Livechart.co.uk

- **Tác động từ các quy định về vận tải biển trên thế giới**

Khi hoạt động vận tải biển thì Vitranschart phải tuân thủ các công ước quốc tế, các qui định của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) như Solas, ISM code và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS) có hiệu lực thực hiện từ 1/7/2004. Trong các về các qui định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu và các nhà kinh doanh hàng hải phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo và đào tạo lại sĩ quan, thuyền viên đã làm cho chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tăng đáng kể vì phải trang bị thêm các thiết bị an ninh, an toàn để đáp ứng yêu cầu trên. Chính vì vậy làm tăng thêm các chi phí đầu vào của công ty và ảnh hưởng phần lớn hiệu quả sản xuất kinh doanh vận tải biển. Tuy nhiên, một khi đầu tư thêm trang thiết bị và thực hiện các quy định mới thì đội tàu Vitranschart được an toàn hơn, giảm các rủi ro, tai nạn về người, tàu, hàng hóa làm tăng hiệu quả khai thác, kinh doanh.

- **Rủi ro tác động từ thị trường vận tải thế giới:**

Chỉ số giá vận chuyển hàng khô (BDI)

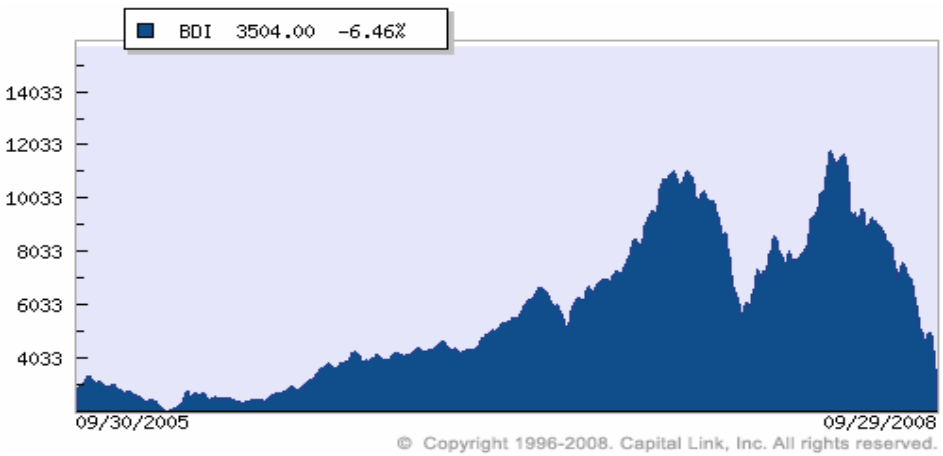

Nguồn: http://shipping.capitallink.com

Chỉ số giá BDI (Baltic Dry Index) là chỉ số giá cước vận chuyển hàng khô bằng đường biển nó phản ánh mức độ cung cầu vận chuyển hàng hoá trên thị trường. Từ những biến động này ta xác định được xu hướng phát triển của ngành vận tải biển quốc tế. Trong những tháng gần đây chỉ số BDI sụt giảm do sự khủng hoảng trên thế giới nên khối lượng hàng hoá xuất nhập khẩu giữa các nước giảm dẫn đến nhu cầu về vận chuyển giảm. Sự tác động của xu hướng giá cước vận chuyển trên thế giới ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vì hơn 95% các hợp đồng của Vitranschart là vận chuyển hàng hóa đi các tuyến quốc tế như Tây Phi, Trung Mỹ, Nam Mỹ, Đông Nam Á....Tuy nhiên, chỉ số BDI ảnh hưởng trực tiếp đến các tàu có trọng tải lớn, thêm vào đó các tàu của Vitranschart có số tuổi trẻ, các thiết bị kỹ thuật hiện đại cộng thêm đội ngũ thuyền viên nhiều kinh nghiệm luôn là điểm lợi thế để Công ty có cơ sở thoả thuận giá cả với các chủ hàng.

Bên cạnh các rủi ro trong kinh doanh trên, việc gia nhập WTO cũng sẽ làm xu thế giá dịch vụ hàng hải sẽ giảm do các Công ty vận tải nước ngoài có kinh nghiệm và phương tiện tốt hơn các doanh nghiệp trong nước tạo nên tính cạnh tranh cao. Như vậy, theo xu hướng này, doanh thu và lợi nhuận của Vitranschart cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành sẽ có khả năng bị ảnh hưởng tùy theo mức độ điều chỉnh về giá thành dịch vụ cũng như việc đầu tư để nâng cao chất lượng dịch vụ sau này.

4. Rủi ro về tỷ giá:

Trong hoạt động dịch vụ vận tải đa số doanh thu của Vitranschart là bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối hoái cũng tác động đến doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, trong các khoản chi phí của Công ty như chi phí nhiên liệu cho các nhà cung cấp và chi phí trả cho các nhà môi giới nước ngoài Vitranschart cũng thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Vì vậy sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa,.v.v... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho các tài sản và con người của Vitranschart.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết:

Ông Mai Văn Phúc	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
Bà Lê Thị Lan	Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Ông Trương Đình Sơn Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Ông Thái Văn Can Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà Vũ Minh Phượng Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn :

Đại diện theo pháp luật : Ông **Tô Hải**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM:

Công ty:	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
BKS:	Ban Kiểm soát
BGĐ:	Ban Giám đốc
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
QLDN:	Quản lý doanh nghiệp
SQTV:	Sĩ Quan Thuyền Viên
Vitranschart:	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:

a. ***Lịch sử hình thành***

<u>Giai đoạn đầu thành lập từ năm 1975 – 1984</u>

Tiền thân của Công ty hiện nay được thành lập trên cơ sở tiếp quản đội tàu và các hãng tàu do chế độ cũ để lại như Hỏa xa Hàng hải Việt Nam, gồm 07 tàu (tổng trọng tải 3.220DWT); Việt Nam hàng hải, hãng tàu Vishipco Line (12 tàu tổng trọng tải 21.292DWT); Hãng tàu Việt Nam hàng hải (01 tàu trọng tải 600DWT), 21 sà lan và tàu nhỏ cũ hư hỏng nặng, chỉ còn 1/3 là có khả năng hoạt động.

Ngày 26/5/1975 theo quyết định số 16/VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập "Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam" (Southern Vietnam Ocean Shipping Company) tên viết tắt "SOVOSCO". Công ty được hoạt động theo phương thức tự quản với nhiệm vụ chủ yếu quản lý và khai thác vận tải trên tuyến ven biển nội địa, chuyên chở lương thực, phân bón.

Đến ngày 07/12/1976 theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.

Đến ngày 04/6/1983 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ra quyết định số 1251/QĐ-TCCB Quyết định Công ty Vận tải Sovosco trực thuộc Tổng cục đường biển Việt Nam.

Đến ngày 14/3/1984 Công ty Vận tải và thuê tàu biển "Transchart" và "Công ty Vận tải biển Sovosco" được hợp nhất thành Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.

Trong suốt thời gian này Công ty hoạt động theo phương thức tự quản với nhiệm vụ chủ yếu là quản lý và khai thác vận tải trên tuyến ven biển nội địa, chuyên chở lương thực, phân bón. Công ty đã vượt qua những khó khăn về nguồn nhân lực cho đội tàu và xưởng sửa chữa tàu, để đảm bảo cho đội tàu hoạt động liên tục. Chính nhờ hướng đi đúng, đội tàu Công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh sau này.

Giai đoạn đầu tư, phát triển và hội nhập kinh tế: từ năm 1984 – 2006

Ngày 11/3/1993, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ có tên giao dịch quốc tế là: Vietnam Sea Transport and Chartering Company (VITRANSCHART).

Ngày 29/04/1995 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 250/TTg thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, theo đó Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam là một trong những doanh nghiệp thành viên trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Trong giai đoạn này, Công ty tiếp tục đầu tư chiều sâu phát triển đội tàu với định hướng tàu mới: có trang thiết bị với công nghệ hiện đại, có sức chở lớn hơn so với các tàu hiện có. Công ty lần lượt thuê mua tàu mới với tổng trọng tải tăng lên đáng kể. Với việc mua mới các

tàu này đã đưa đội tàu hiện có độ tuổi bình quân trên 20 tuổi xuống dưới mức 18 tuổi. Cùng với việc phát triển đội tàu, Công ty còn mở rộng kinh doanh các loại hình dịch vụ hàng hải mới: cho thuê tàu định hạn song song với việc tự khai thác tàu, cung ứng dịch vụ xuất khẩu lao động, mở rộng hoạt động thương mại, đại lý hàng hải, sửa chữa tàu biển, tìm cách liên doanh liên kết với các hãng tàu nước ngoài…đưa một đơn vị hoạt động vận tải đơn thuần trở thành một Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực.

Bước vào những năm mở cửa của Việt Nam với các nước trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu cùng khu vực và thế giới đã và đang tạo ra cho ngành hàng hải những cơ hội thách thức mới. Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới đội tàu về mọi mặt cả chất lượng lẫn số lượng. Liên tục trong những năm 2002, 2003, 2004 Công ty vừa tham gia chương trình đóng mới tàu trong nước vừa vay mua tàu đang khai thác ở nước ngoài. Nhờ đó trọng tải đội tàu đã tăng thêm hơn 50.000 DWT với số tiền đầu tư hơn 30.000.000 USD, không những đã tái tạo lại trọng tải của đội tàu mà còn hoàn thành nhiệm vụ hiện đại hóa đội tàu.

Giai đoạn phát triển: từ năm 2006 – nay

Nhìn chung, Công ty đã từng bước đạt mục tiêu tái cơ cấu và trẻ hóa đội tàu. Ngoài ra, áp dụng Bộ luật Quản lý An toàn Quốc tế (ISM code) được coi là một bước khởi đầu cho việc áp dụng chính sách Quản lý chất lượng, hướng tới mục tiêu chính là Vận chuyển toàn cầu, nhằm tăng sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường vận tải quốc tế sôi động. Việc tích cực áp dụng hệ thống Quản lý An ninh tàu và cảng biển trong thời gian sớm nhất là nỗ lực rất lớn của Công ty nhằm đáp ứng những đòi hỏi gắt gao liên tục thay đổi của môi trường kinh doanh.

Từ năm 2004-2007, Công ty liên tục tham gia chương trình đóng mới tàu trong nước cũng như khai thác vay mua tàu ở nước ngoài để tăng trọng tải đội tàu. Tính đến 31/08/2008, đội tàu Công ty có tổng cộng 19 chiếc với tổng trọng tải 283.254DWT. Cũng nhờ xác định đúng chiến lược đầu tư phát triển như trên, Công ty đã thành công không chỉ thị trường Đông Á, Nam Á mà còn liên tục vận hành tại thị trường vận tải biển truyền thống như Nam Mỹ, Tây Phi, Trung Đông…

Liên tiếp từ 2007 – 2008, Công ty đầu tư đóng mới 1 tàu mua 2 tàu : VTC-Dragon (22,662 DWT), VTC-Sun (23,581 DWT) và VTC-Planet (22,176 DWT). Riêng năm 2008, Công ty đang đầu tư khoảng 110 triệu USD cho các tàu mới và đặt mục tiêu nâng tổng trọng tải đến năm 2010 lên 400.000 DWT.

Cùng mở rộng việc phát triển đội tàu, Vitranschart JSC còn mở rộng kinh doanh các loại hình cho thuê tàu định hạn song song với việc tự khai thác tàu, tổ chức dịch vụ cung ứng thuyền viên xuất khẩu. Công ty đã mạnh dạn thành lập Trung tâm Đào tạo môi giới xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SSC) để huấn luyện đào tạo và xuất khẩu thuyền viên đi hợp tác lao động trên các tàu của các hãng tàu biển nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan…thu ngoại tệ cho Công ty và Nhà nước. Trong hơn 10 năm hoạt động, Trung tâm Đào tạo môi giới xuất khẩu thuyền viên phía Nam đã đưa hơn 4.000 lượt sĩ quan thuyền viên đi làm việc trên các tàu nước ngoài.

Ngày 11/12/2007, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Tên viết tắt: Vitranschart JSC ngày nay.

b. Một số thành tích Công ty đã đạt được trong quá trình phát triển.

- ✓ Cờ Thi đua của Chính phủ, Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 15/07/2007 vì có thành tích hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2006.
- ✓ Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- ✓ Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty :Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế :Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company.
- Tên viết tắt :VITRANSCHART JSC.
- Logo :
- Vốn điều lệ :400.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm tỷ đồng)

  Tương ứng với :40.000.000 cổ phiếu phổ thông
- Trụ sở chính : 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM.
- Điện thoại : (08) 3940 4271
- Fax : (08) 3940 4711

- Website : http://www.vitranschart.com.vn
- Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số **4103008926** do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
  - ✓ Kinh doanh vận tải biển;
  - ✓ Đào tạo nghề ; Xuất khẩu lao động ;
  - ✓ Sửa chữa tàu biển ; Cho thuê kho bãi, Container;
  - ✓ Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành vận tải biển, vật tư hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, dầu nhờn, nguyên vật liệu ngành xây dựng;
  - ✓ Cung ứng tàu biển; Đại lý kinh doanh xăng dầu;
  - ✓ Xây dựng nhà ở; Kinh doanh bất động sản ;
  - ✓ Dịch vụ giao nhận hàng hóa ; Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế ;
  - ✓ Dịch vụ tiếp vận;Dịch vụ khai thuê hải quan ;

2. Cơ cấu bộ máy tổ chức

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

- **Trụ sở Công ty:** Là nơi đặt văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và tất cả các phòng nghiệp vụ của Công ty.

Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM.

Điện thoại: (08) 3940 4271 Fax: (08) 3940 4711.

Các đơn vị trực thuộc

✓ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 102/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ : Tầng 11, phòng 1101, Toà nhà Ocean Park, số 01A, Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội.
- Điện thoại : (84-04) 35770991, 35770982. Fax: (84-04) 35770908
- Email : vtc-hanoi@hn.vnn.vn, vtchanoi@vitranschart.com.vn

✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 103/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ :Số 22 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng
- Điện thoại : (84-0313) 823828. Fax: (84-0313) 810190
- Email : vtc-hnhp@hn.vnn.vn, vtchaiphong@vitranschart.com.vn

✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 104/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ : Số 86, Đường Hậu Cần, tổ 11, khu 4, phường Bãi Cháy, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84-033) 3627879, 3846477.. Fax: (84-033) 3825803
- Email : vtc-qni@hn.vnn.vn, vtcquangninh@vitranschart.com.vn

✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ

thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ :Địa chỉ: 60 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.
- Điện thoại: (84-0511) 3896999. Fax: (84-0511)3822661
- Email: vtc-danang@dng.vnn.vn, vtcdanang@vitranschart.com.vn. .

✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ : Lô C2 – C3, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, Bình Định.
- Điện thoại: (84-056) 3648878. Fax: (84-056) 38648233
- Email: vtc-quinhon@dng.vnn.vn, vtcquynhon@vitranschart.com.vn.

✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 107/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ : Số 32, Phan Đăng Lưu, phường 3, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.
- Điện thoại: (84-064) 3531183. Fax: (84-064) 3854114
- Email: vtc-vt@hcm.vnn.vn, vtcvungtau@vitranschart.com.vn

✓ CHI NHÁNH :CÔNG TY SỬA CHỮA TÀU BIỂN là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 109/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-08) 39404271. Fax: (84-08) 39404411
- Email: smc@vitranschart.com.vn

- ✓ Công ty con :CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CUNG ỨNG, DỊCH VỤ HÀNG HẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG (PDIMEXCO, LTD) là Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 924/QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

  - Địa chỉ : 438 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: (84-08) 39041570. Fax: (84-08) 39404184
  - Email: masuco@vitranschart.com.vn

  Công ty này được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên PDIMEXCO trong tháng 11 năm 2008 từ chi nhánh Cung Ứng, Dịch Vụ và Xuất Nhập Khẩu của Công ty.

- ✓ CHI NHÁNH : TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, MÔI GIỚI VÀ XUẤT KHẨU THUYỀN VIÊN PHÍA NAM là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 110/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

  - Địa chỉ : Số 36 Nguyễn Thị Minh khai, phường Đakao, quận 1, TP.Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: (84-8) 38225277, 38244479, 38244480 Fax: (84-4) 38225072
  - Email: scc@vitranschart.com.vn, socrucen@fmail.vnn.vn

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

- ➢ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội cổ đông cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính sau:

- Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.

- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.
- Và các nhiệm vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

➢ **Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm có bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị hiện tại là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty như:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Và các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

➢ **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát bao gồm ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát hiện tại là năm (05) năm, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm chính như sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm cũa công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Và các quy định khác theo điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

➢ **Tổng Giám đốc:**

Là người đại diện pháp nhân của công ty chịu trách nhiệm toàn bộ mọi hoạt động của công ty trước HĐQT và pháp luật Nhà nước. Tổng Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm như:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty

➢ **Tổ chức – Lao động**

Phòng Tổ chức – Lao động là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về công tác tổ chức và cán bộ; công tác lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty. Thông qua một số nhiệm vụ chính sau:

- Trình Tổng Giám đốc ban hành các quy chế, quyết định, chỉ thị, thông báo và loại văn bản khác thuộc lĩnh vực về công tác tổ chức và cán bộ; công tác lao động và tiền lương của Công ty và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đó theo quy định.
- Trình Tổng Giám đốc quyết định việc phân công, phân cấp quản lý và điều hành về lĩnh vực trên đối với các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.
- Trình Tổng Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy và quy hoạch cán bộ; kế hoạch về lao động, việc làm; tiền lương, thu nhập khác; đào tạo, huấn luyện; bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ; chế độ chính sách khác đối với người lao động của Công ty hàng năm và dài hạn theo quy định.
- Trình Tổng Giám đốc về việc tổng kết, đánh giá, báo cáo về tình hình thực hiện các quy định thuộc lĩnh vực về công tác tổ chức, cán bộ và lao động, tiền lương tại Công ty theo quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty.

- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

➢ **Tài chính – Kế toán**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, thuộc hệ thống tổ chức của Vitranschart, thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kinh tế và kế toán trong Công ty. Kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch trong việc sử dụng tiền vốn, vật tư, lao động. Thúc đẩy chế độ hạch toán kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng tích lũy cho Công ty, đồng thời cung cấp các số liệu, tài liệu báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý cấp trên qua một số chức năng nhiệm vụ chính sau:

- Xây dựng các kế hoạch tài chính tín dụng, các bản dự toán dài hạn, hàng năm, quý, tháng, kịp thời với kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty, nhằm sử dụng hợp lý tiền vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chuẩn bị bảng dự toán hàng năm cho Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị thông qua.
- Tổ chức công tác kế toán, kiểm toán theo quy định, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty và các quy định về báo cáo tài chính các cấp.
- Quản lý tài sản và các loại vốn (cố định, lưu động) của Công ty, vốn vay Ngân hàng hoặc vốn vay nước ngoài, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn tự có của Công ty, các loại quỹ của các đơn vị trực thuộc đúng chế độ, đúng mục đích.
- Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ kế toán và hạch toán kinh tế đối với các Chi nhánh đơn vị trực thuộc Công ty.
- Định kỳ kết hợp thực hiện công tác kiểm kê tài sản. Phối hợp, tổ chức đáp ứng yêu cầu của Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty, cũng như các đoàn thanh, kiểm tra tài chính, tài sản làm việc với Công ty theo quy định.
- Thực hiện các báo cáo theo quy định của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Tổ chức triển khai việc kinh doanh tài chính, tiền tệ có hiệu quả.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

➢ **Đầu tư – Phát triển**

Phòng Đầu tư Phát triển có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch và đầu tư phát triển doanh nghiệp, kinh doanh và đối ngoại của Công ty đạt hiệu quả kinh tế theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty thông qua các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế Công ty trong dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của ngành.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty để làm căn cứ giao kế hoạch cho các đơn vị của Công ty.
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm, các thời kỳ, từ đó đề ra các biện pháp, giải pháp tích cực nhằm tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức, tìm hiểu, điều tra, theo dõi và nghiên cứu mở rộng, phát triển thị trường; tiếp thị, giới thiệu, quảng cáo các sản phẩm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lập giá thành vận tải biển; tham gia việc lập giá thành các ngành kinh doanh khác của Công ty; chú trọng đặc biệt về giá cước hàng hoá, giá thuê và cho thuê tàu, giá mua bán và đóng tàu biển để phục vụ công tác kinh doanh của Công ty .
- Tham gia, theo dõi việc thương lượng, ký kết, thực hiện, thanh lý các hợp đồng kinh tế của Công ty đúng quy định.
- Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh và các hoạt động có liên quan khác theo quy định của Nhà nước đối với Công ty tại địa phương.
- Thực hiện việc lập kế hoạch chương trình làm việc, quan hệ, giao dịch, tổ chức đưa đón, tiếp, hướng dẫn các đoàn nước ngoài làm việc với Công ty và đoàn của lãnh đạo Công ty đi công tác nước ngoài.
- Phiên dịch, dịch thuật; phát hành nội bộ bản “Thông tin kinh tế thị trường kinh doanh” phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

➢ **Khai thác – Thương vụ**

Phòng Khai thác Thương vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác khai thác và thương vụ tàu nhằm kinh doanh đội tàu theo kế hoạch của Công ty. Đồng thời, thừa lệnh Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của đội tàu được giao theo đúng quy định của Công ty.

- Tổ chức tìm hiểu thị trường vận tải biển để thiết lập hệ thống tìm nguồn hàng ở trong và ngoài nước cho đội tàu, làm căn cứ lập kế hoạch khai thác tàu có hiệu quả cao nhất. Đồng thời phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình khai thác tàu để điều chỉnh kế hoạch và áp dụng các biện pháp khai thác phù hợp nhằm thực hiện được kế hoạch khai thác kinh doanh đội tàu mà Tổng Giám đốc giao.
- Tổ chức việc đàm phán, ký kết, theo dõi, thực hiện các hợp đồng vận tải, hợp đồng thuê và cho thuê tàu của đội tàu được giao có hiệu quả cao nhất.

- Thực hiện việc thu cước vận tải, tiền thưởng phạt, thuê tàu đúng hợp đồng đã ký kết và thanh lý hợp đồng.
- Tổ chức thực hiện việc cho thuê tàu của Công ty; thuê tàu của chủ tàu khác và cho thuê lại; môi giới hàng hoá một cách hợp lý, linh hoạt và hiệu quả theo đặc điểm của Công ty trong thời kỳ.
- Hoàn chỉnh các hồ sơ để giải quyết các vụ tranh chấp về hợp đồng vận tải, thuê và cho thuê tàu, đồng thời làm việc trực tiếp với chủ hàng, chủ tàu nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty.
- Thông tin kịp thời những nội dung có liên quan đến việc tổ chức thực hiện khai thác đội tàu được giao. Trực tiếp quản lý, xác nhận những công việc thuyền viên làm ngoài chức trách phục vụ khai thác tàu để thanh toán cho thuyền viên.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng Giám đốc giao.

➢ **Kỹ thuật**

Phòng Kỹ thuật là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, thuộc hệ thống tổ chức của Vitrancharts, thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác quản lý về khai thác kỹ thuật của đội tàu Công ty và công tác khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Công ty.

- Tham mưu trình Tổng Giám đốc kế hoạch quản lý khai thác kỹ thuật đội tàu; theo yêu cầu cơ quan đăng kiểm, chính quyền mà tàu mang cờ, chế độ bảo quản bảo dưỡng phù hợp theo đúng thiết kế từng tàu và các tiêu chuẩn theo công ước quốc tế, của Đăng kiểm, của nhà chế tạo.
- Trình ban hành các quy tắc, quy trình, các loại biểu mẫu, sơ đồ thuộc phạm vi quản lý kỹ thuật; hướng dẫn cho Thuyền trưởng tàu khai thác kỹ thuật hợp lý trong việc vận hành máy móc, trang thiết bị, phù hợp với yêu cầu của nhà thiết kế và yêu cầu sử dụng theo quy định, hệ thống quản lý an toàn Công ty nhằm làm tăng quá trình hoạt động an toàn của tàu.
- Quản lý và tổ chức thực hiện các công việc có liên quan để cấp có thẩm quyền cung cấp cho tàu giấy tờ pháp lý hàng hải thuộc phạm vi kỹ thuật, các loại giấy tờ đăng kiểm, công ước quốc tế các loại giấy chứng nhận và an toàn hàng hải theo quy định. Theo dõi hạn đăng kiểm của các loại giấy tờ trên để có kế hoạch thay mới, gia hạn và định kỳ bảo quản bảo dưỡng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu đăng kiểm cho tàu.
- Xây dựng các định mức để áp dụng theo từng tàu, trên cơ sở theo thiết kế nhà chế tạo, khai thác tàu:
- Định mức về phụ tùng vật tư kỹ thuật thay thế, tiêu hao nhiên liệu, dầu nhớt, các loại sơn cho từng tàu.

- Dự trù kế hoạch và mua sắm phụ tùng, vật tư kỹ thuật, sơn đáp ứng yêu cầu sửa chữa, bảo quản, bảo dưỡng các tàu.
- Quản lý phụ tùng, vật tư kỹ thuật, sơn của đội tàu.

➢ **Vật tư**

Thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc Công ty triển khai công tác cung ứng các loại vật tư, dịch vụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ cho đội tàu Công ty.

- Lập kế hoạch và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc cung ứng cho nhu cầu của đội tàu Công ty về vật tư thay thế, vật tư kỹ thuật, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ, văn phòng phẩm, hải đồ, tài liệu hàng hải cho tàu; về giá cả các loại theo kế hoạch, theo đơn đặt hàng của đội tàu biển Công ty và các tàu Công ty được chỉ định làm đại lý, theo yêu cầu của phòng Kỹ thuật để phục vụ sửa chữa định kỳ.
- Xây dựng các biểu mẫu báo cáo, thống kê, các quy trình sử dụng hợp lý về vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ theo đúng định mức kỹ thuật, phù hợp với từng loại sản phẩm, từng tàu.
- Quan hệ trực tiếp với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước để tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty ký các hợp đồng về mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ phục vụ cho các tàu của Công ty có hiệu quả nhất.
- Quản lý, theo dõi và đối chiếu sổ sách cấp phát vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ; thống kê định mức theo chủng loại, định mức về vật tư và sử dụng vật tư; định mức tiêu hao nhiên liệu giữa sử dụng và tồn đọng các danh mục trên.
- Quyết toán các loại vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ đã cung ứng, trang bị cho đội tàu theo định mức và định kỳ thời gian (chuyến, tháng, quý, 6 tháng, năm).

➢ **Pháp chế - An toàn hàng hải**

Thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác pháp chế, quản lý an toàn hàng hải, công tác bảo hiểm của Công ty.

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc về việc thực hiện các chính sách về luật pháp Việt Nam, Bộ Luật hàng hải Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy tắc, quy định về hàng hải của Bộ Giao thông vận tải; luật pháp hàng hải quốc tế tại Công ty theo quy định.
- Quản lý và tổ chức thực hiện việc cấp các Giấy tờ đăng ký theo yêu cầu của Chính quyền hành chính.

- Thực hiện giải quyết và xử lý các vấn đề liên quan công tác pháp chế – an toàn hàng hải như đăng ký tàu biển, kháng nghị, tranh chấp, tố tụng, bồi thường hàng hải đối với tổn thất về người, tàu và hàng hóa.
- Theo dõi thu thập các thông tin liên quan đến an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường để kịp thời thông báo cho các tàu và các cá nhân, đơn vị có liên quan.
- Đôn đốc, theo dõi và yêu cầu thuyền viên thực hiện đúng các nội quy, nhiệm vụ theo chức danh, quy trình công nghệ của các trang thiết bị kỹ thuật trong việc vận hành, bảo quản, sử dụng tàu để bảo đảm an toàn về người, hàng hoá, môi trường, phương tiện và tài sản của Công ty.
- Theo dõi việc định biên tối thiểu các tàu biển của Công ty, xem xét sự phù hợp với quy định của quốc gia và quốc tế, về sĩ quan thuyền viên được huấn luyện, đào tạo có đủ trình độ năng lực, bằng cấp chuyên môn theo quy định.
- Thực hiện mua bảo hiểm dân sự chủ tàu, các loại hình bảo hiểm kết hợp khác cho CB-CNV, SQTV Công ty.
- Kết hợp với các đơn vị chuyên môn trong Công ty để thực hiện các công việc có liên quan về điều tra, thanh tra, giải quyết pháp lý các vụ việc về tai nạn, đâm va, chìm đắm và các vấn đề liên quan đến bảo hiểm.
- Phân tích, cập nhật thông tin về thông báo hàng hải quốc tế, kịp thời thông báo cho các tàu biển Công ty để tu chỉnh hải đồ. Liên hệ đơn vị chức năng trong việc cấp phát hải đồ cho đội tàu Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh về công tác pháp chế, an toàn hàng hải và các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Công ty giao.

➢ **Văn phòng ISM – Code**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong việc thực thi: Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu và bến cảng (ISPS Code), Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (ISM-Code) trong phạm vi toàn Công ty.

- Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) đối với các tàu cũng như các đơn vị, phòng, trạm trong hệ thống quản lý an toàn của Công ty.
- Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu và bến cảng (ISPS Code) với các tàu của Công ty.
- Theo dõi việc duy trì hiệu lực của các Giấy chứng nhận phù hợp (DOC), Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC), Giấy Chứng nhận quốc tế về An ninh tàu biển (ISSC) và các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan đến ISM Code, ISPS Code.

- Kết hợp với Người phụ trách (Designated Person – DP) để báo cáo, đề xuất, xử lý và giải quyết kịp thời các sự cố, công việc có liên quan đến Hệ thống Quản lý An toàn – an ninh của Công ty.
- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty.
- Trưởng Văn phòng ISM Code được quan hệ, giao dịch trực tiếp với các đối tác trong nước và nước ngoài về lĩnh vực do mình phụ trách.
- Được quyền ký các văn bản, giấy tờ có liên quan tới nhiệm vụ của Văn phòng khi được Tổng Giám đốc ủy quyền.

➢ **Hành chính – Tổng hợp**

- Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác hành chính quản trị, văn thư lưu trữ và bảo vệ của Công ty theo các nguyên tắc, thủ tục, quy định của Nhà nước thuộc phạm vi văn thư hành chính.
- Triển khai thực hiện quyết định của Tổng Giám đốc Công ty về việc ban hành quy định công tác văn thư, lưu trữ và kiểm tra đôn đốc các phòng ban, các đơn vị trực thuộc Công ty thi hành tốt các quy định đó.
- Quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ các tài sản thuộc khối văn phòng Công ty. Báo cáo Tổng Giám đốc về kế hoạch bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ các tài sản trên.
- Quản lý và phục vụ các yêu cầu hội họp, mít-tinh, học tập chính trị, nghe thời sự, liên hoan văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao theo yêu cầu tổ chức tại phòng họp, hội trường Công ty (kể cả công tác trang trí).
- Quản lý nhà ăn tập thể và các công trình phúc lợi khác của Công ty.
- Thực hiện đúng quy định công việc hành chính cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, CBCNV Công ty bao gồm công tác về lễ tân, phục vụ theo nhu cầu công tác về phương tiện đi lại, chỗ làm việc, hội họp, phương tiện làm việc.
- Hằng năm xây dựng kế hoạch định kỳ (và đột xuất) trình Tổng Giám đốc Công ty quyết định cấp kinh phí mua sắm văn phòng phẩm, trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của khối văn phòng.
- Chấp hành, thực hiện tốt chủ trương bảo vệ an ninh tổ quốc và các nguyên tắc hành chính, trong đó liên hệ với cơ quan chức năng giải quyết giấy phép ra vào cảng, giấy phép lên tàu nước ngoài cho cán bộ, công nhân viên theo nhu cầu công tác. Duy trì và đảm bảo an ninh, trật tự thuộc phạm vi trụ sở Công ty 24/24. Quản lý người ra vào đúng theo nội quy Công ty quy định. Đảm bảo an toàn tài sản tại trụ sở Công ty.

- Và các nhiệm vụ khác theo quyết định chi tiết của Công ty.

➢ **Công nghệ thông tin**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác quản trị khai thác hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông của Công ty.

- Tham mưu trình Tổng Giám đốc các văn bản ban hành nguyên tắc, thủ tục, quy định của Nhà nước thuộc phạm vi quản trị và khai thác hệ thống công nghệ thông tin Công ty.
- Quản lý toàn bộ hệ thống mạng vi tính, viễn thông (khối trên bờ, từ bờ ra tàu) của Công ty.
- Xây dựng và thực hiện chính sách về an ninh mạng vi tính, viễn thông dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc Công ty.
- Duy trì thường xuyên các hoạt động thông tin, liên lạc thông suốt và hiệu quả giữa các Chi nhánh đơn vị trực thuộc Công ty, các tàu biển của Công ty (từ bờ ra tàu), theo chức năng lãnh đạo và các đơn vị khối văn phòng Công ty.
- Đề xuất trình Tổng Giám đốc các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành hoạt động Công ty. Có kế hoạch trình Tổng Giám đốc triển khai các công tác huấn luyện đào tạo công nghệ thông tin cho CB-CNV, SQTV Công ty.
- Lập kế hoạch đánh giá tình trạng kỹ thuật các trang thiết bị thuộc hệ thống mạng Công ty và bảo quản, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị khối văn phòng Công ty.
- Tổ chức thực hiện các công việc về lưu trữ dự phòng các dữ liệu thuộc hệ thống mạng. Có kế hoạch dự trù kinh phí, thống kê và báo cáo trình Tổng Giám đốc mua sắm các máy móc vi tính, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ theo yêu cầu quản lý điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Công ty.

➢ **Quản lý Đóng tàu**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc Công ty trong công tác triển khai và quản lý dự án đóng tàu biển.

- Lập kế hoạch, chương trình tổ chức tiếp nhận, triển khai dự án đóng tàu biển, đã được phê duyệt do Tổng Giám đốc Công ty giao.
- Trình & tổ chức lựa chọn Nhà máy đóng tàu theo đúng trình tự thủ tục và có đầy đủ năng lực thi công đóng tàu theo quy định của Nhà nước và Công ty để chủ đầu tư phê duyệt quyết định.
- Phối hợp với Nhà máy đóng tàu để tổ chức tốt lễ khởi công, lễ đặt ky, lễ hạ thủy, lễ bàn giao, tiếp nhận tàu đóng mới sau khi hoàn thành toàn bộ công trình.

- Thường xuyên làm việc trực tiếp với Ban đóng mới tàu biển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để kết hợp giải quyết các vấn đề có liên quan đến đóng tàu biển tại Nhà máy đóng tàu.
- Tổ chức thi công, theo dõi vận hành tàu đóng mới để phát hiện các khiếm khuyết về kỹ thuật. Thông báo và đôn đốc Nhà máy đóng tàu khắc phục các lỗi kể trên của Nhà máy, trong thời gian bảo hành sản phẩm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ thị của Tổng Giám đốc.

➢ **Quản lý Xây dựng cơ bản**

Là bộ phận có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác quản lý việc xây dựng các công trình theo dự án khả thi của Công ty.

- Lập kế hoạch, chương trình tổ chức tiếp nhận, triển khai các dự án đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh công trình theo các dự án đầu tư đã được phê duyệt do Tổng Giám đốc giao.
- Tổ chức việc lập thiết kế cơ sở, kỹ thuật thi công công trình đạt hiệu quả, có tác dụng tốt ở các giai đoạn tiếp theo.
- Tổ chức việc thực hiện các nội dung về trình tự đấu thầu; trình và tổ chức lựa chọn nhà thầu trong và ngoài nước phục vụ dự án xây dựng công trình theo đúng trình tự thủ tục và có đầy đủ năng lực theo quy định của Nhà nước và Công ty để chủ đầu tư phê duyệt.
- Theo dõi việc tổ chức thi công, giám sát thi công các công trình, theo dõi và phát hiện các khiếm khuyết của công trình trong thời gian được bảo hành, thông báo kịp thời để khắc phục và sửa chữa theo đúng hợp đồng
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng Giám đốc giao.

➢ **Trạm Y tế hàng hải**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc Công ty trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho CBCNV, SQTV trong Công ty.

- Thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch; an toàn lao động, kết hợp công tác với bộ phận bảo hộ lao động Công ty.
- Có kế hoạch kiểm tra, giám sát các yếu tố độc hại trong môi trường lao động có ảnh hưởng sức khỏe của người lao động.
- Thực hiện mỗi CBCNV, SQTV phải có hồ sơ sức khỏe. Thống kê phân loại sức khỏe. Lập sổ theo dõi các bệnh kinh niên, mãn tính, bệnh xã hội và có kế hoạch chữa trị.
- Tổ chức sơ cứu, cấp cứu, khám chữa bệnh thông thường đồng thời gửi lên tuyến trên các trường hợp vượt quá khả năng của Trạm.

- Theo dõi khám sức khỏe cho người lao động, hằng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho CBCNV, SQTV Công ty và khám sức khỏe cho nhân viên, SQTV mới trước khi được ký hợp đồng lao động với Công ty.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

Sơ đồ tổ chức công ty: 31/12/2008

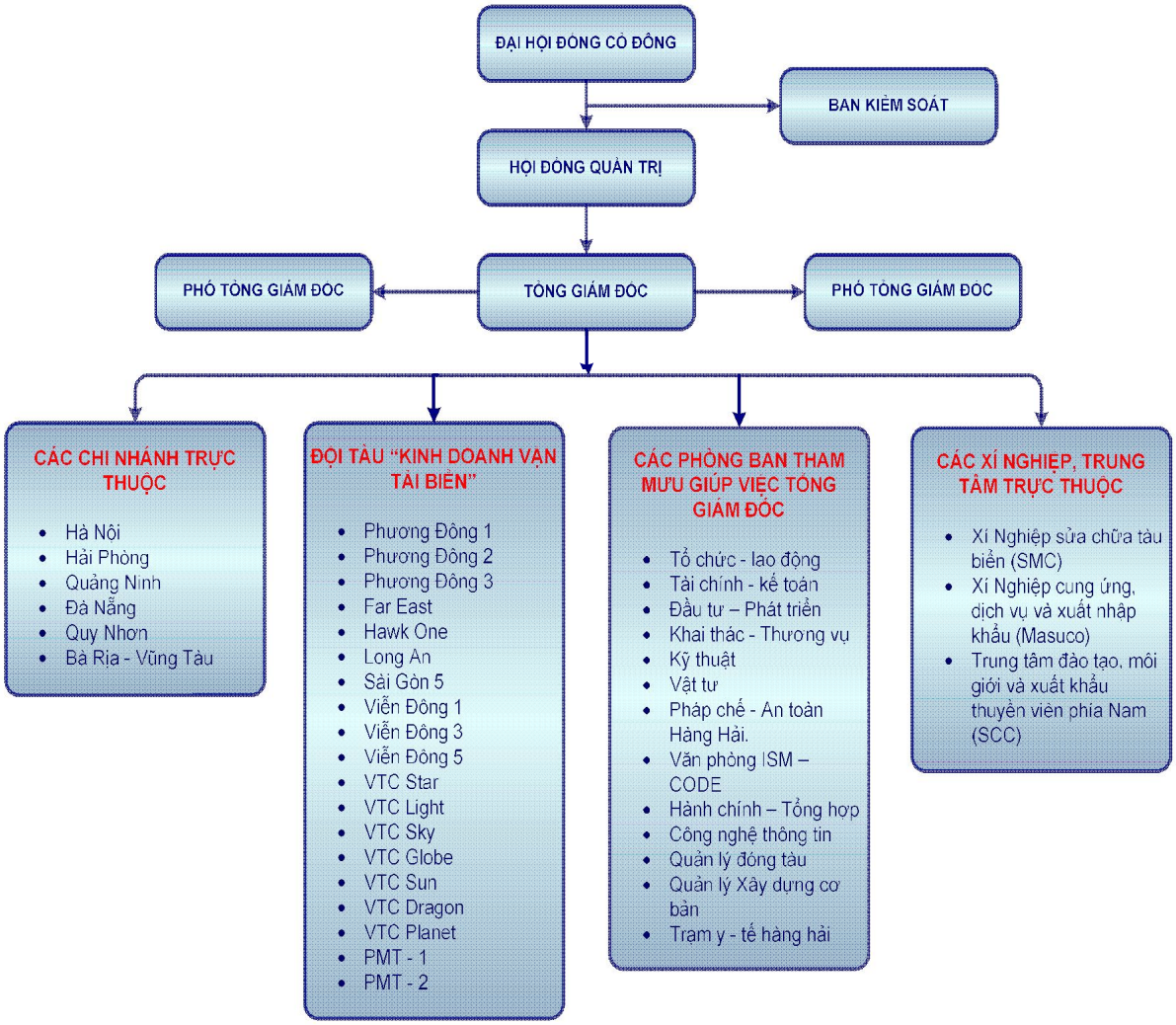

Trong đội tàu kinh doanh hiện tại của Công ty, tàu Long An và tàu Sài Gòn 5 đã được ký hợp đồng chuyển nhượng cho một Công ty khác. Công ty đã giao tàu Sài Gòn 5 trong tháng 10 và tàu Long An đã hoàn thành giao tàu trong tháng 12 năm 2008.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 12/09/2008:

a. Danh sách cổ đông nhắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 14/10/2008:

3	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông Nhà nước (*)** Người đại diện:	**Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam**	**24.000.000**	**60,00%**
a	*Mai Văn Phúc*	*Bạch Đằng, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh*	*5.200.000*	*13%*
b	*Trương Đình Sơn*	*100/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Q1, Tp. HCM*	*4.800.000*	*12%*
c	*Huỳnh Hồng Vũ*	*491/52 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, Tp. HCM*	*4.800.000*	*12%*
d	*Tô Tấn Dũng*	*3E/9 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM*	*4.800.000*	*12%*
e	*Lê Thị Lan*	*33 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. HCM*	*4.400.000*	*11%*
2	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, HN	2.189.357	*5,47%*
	TỔNG CỘNG		**26.189.357**	**65,47%**

Nguồn: Vitranschart

b. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103008926** đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam như sau:

3	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông Nhà nước (*)** Người đại diện:	**Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam**	**24.000.000**	**60%**
a	*Mai Văn Phúc*	*Bạch Đằng, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh*	*5.200.000*	*13%*

3	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
b	*Trương Đình Sơn*	*100/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Q1, Tp. HCM*	*4.800.000*	*12%*
c	*Huỳnh Hồng Vũ*	*491/52 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, Tp. HCM*	*4.800.000*	*12%*
d	*Tô Tấn Dũng*	*3E/9 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM*	*4.800.000*	*12%*
e	*Lê Thị Lan*	*33 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. HCM*	*4.400.000*	*11%*
	TỔNG CỘNG		**24.000.000**	**60%**

Dựa theo công văn số 1751/CV-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2007 của Tổng Công ty hàng hải Việt Nam về việc giới thiệu cán bộ tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Và Quyết định số 1191/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2007 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc cử người làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

c. *Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 14/10/2008 như sau:*

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	40.000.000	100%
2	Ngoài nước	-	0%
	Tổng	**40.000.000**	**100%**
1	Cá nhân	7.202.605	18%
2	Tổ chức	32.797.395	82%
	Tổng	**40.000.000**	**100%**

Nguồn: Vitranschart

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết:

5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam như sau:

Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Hà Nội	24.000.000	60%

5.2. Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Công Ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. HCM	5.000.000.000	100%

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1. Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ:

a. Kinh doanh vận tải biển

Là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty, chuyên về khai thác, thuê tàu. Hiện nay, đội tàu Công ty có 19 chiếc hoạt động khắp thế giới, chuyên chở hàng rời và bao kiện, chủ yếu là hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các loại nông sản khác.

b. Đại lý tàu biển

Cùng với các mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển có hiệu quả tới khách hàng tại tất cả các cảng Việt Nam.

c. Môi giới và cung ứng xuất khẩu thuyền viên (SCC)

Trung tâm đào tạo môi giới và xuất khẩu Thuyền viên phía Nam (SCC) là đơn vị trực thuộc của Công ty, chuyên về dịch vụ cung ứng thuyền viên. Cụ thể, Trung tâm tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho các chủ tàu trên toàn thế giới. Ngoài ra, Trung tâm còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong và ngoài nước.

Hơn 1.200 thuyền viên có kinh nghiệm của Công ty đã và đang làm việc cho đội tàu của chính Công ty, các Công ty khác trong và ngoài nước như: Nhật Bản, Hy Lạp, Nga, Đài Loan và Hồng Kông.

d. Cung ứng dịch vụ và Xuất nhập khẩu (PDIMEXCO)

Là đơn vị trực thuộc của Vitranschart, chuyên xuất nhập khẩu trực tiếp tất cả các thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ cho ngành hàng hải; cung cấp các thiết bị, phụ tùng thay thế; phân phối sơn và dầu nhờn chất lượng cao, xuất nhập khẩu thạch cao, clinker, polozolana... và các dịch vụ hàng hải cho các tàu trong và nước ngoài tại Việt Nam.

e. Sửa chữa và bảo dưỡng tàu (S.M.C.)

Chuyên về sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các loại máy móc tàu biển như máy chính, động cơ diesel và máy phụ như máy nén không khí, thiết bị tời neo, trục quay, thiết bị làm hàng, trục chân vịt và các loại máy bơm, hàn mặt boong, đáy, mạn, gỏ rỉ và sơn tàu ...

6.2. Sản lượng, doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

a. Sản lượng vận tải:

Sản lượng vận tải qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Sản lượng	Sản lượng	Tỷ lệ tăng so với 2005	Sản lượng	Tỷ lệ tăng so với 2006	Sản lượng	Tỷ lệ tăng so với 2007
Sản lượng vận chuyển (Ngàn Tấn)	1.283	1.455	13%	1.671	15%	2.008	20%
Sản lượng luân chuyển (Triệu Tấn Km) (*)	8.819	10.911	24%	12.161	11%	17.458	44%

Nguồn: Vitranschart

(*): Sản lượng luân chuyển = Sản lượng vận chuyển nhân với số km vận chuyển

SẢN LƯỢNG VẬN TẢI CỦA CÁC ĐỘI TÀU QUA CÁC NĂM

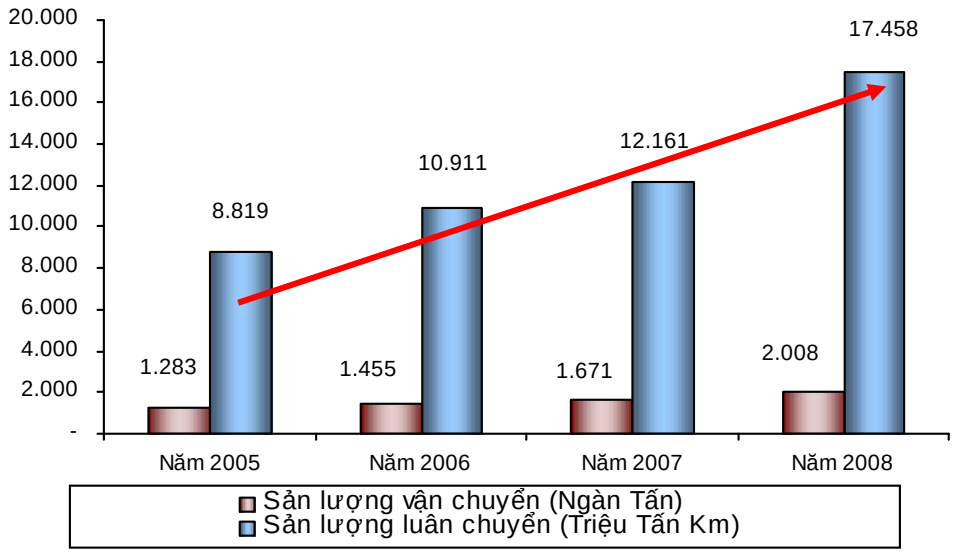

Hành trình của các tàu Công ty thường thực hiện ở những chuyến đường xa nên có sự chênh lệch lớn giữa sản lượng vận chuyển và sản lượng luân chuyển trong năm.

b. Sản lượng hàng hoá thương mại:

Sản lượng hàng hoá nhập về để bán qua các năm

STT	Khoản mục	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
		Số lượng (tấn)	Số lượng (tấn)	Số lượng (tấn)	Số lượng (tấn)
1	Clinker	152.874	101.812	241.753	90.614
2	Thạch cao	130.250	149.060	155.900	166.750
3	Xỉ cát	27.950	35.950	80.550	87.050
Tổng Cộng		**311.074**	**286.822**	**478.203**	**344.414**

Nguồn: Vitranschart

Hoạt động thương mại của Công ty chủ yếu thực hiện các hợp đồng mua bán nguyên vật liệu cho ngành xi măng. Với một số khách hàng truyền thống mua hàng từ Vitranschart, Công ty luôn giữ mối quan hệ này để thực hiện các hợp đồng thương mại. Dựa vào các đơn hàng và hợp đồng từ khách hàng, Công ty sẽ đặt hàng và vận chuyển về giao trực tiếp cho bên mua.

c. Hoạt động cho thuê tàu:

Trong năm 2008 Công ty đang có 4 tàu đang cho thuê theo hợp đồng định hạn, khoản thu nhập này cũng góp phần làm tăng thêm doanh thu của doanh nghiệp. Tàu LONG AN được bán trong tháng 12 năm 2008.

	VIỄN ĐÔNG 1 Trọng tải : 6.839 DWT Năm đóng : 1989 Loại hợp đồng: Hợp đồng định hạn được ký lại sau mỗi 6 tháng. Phí : 5.300 USD/Ngày Bên thuê : Công ty Searoad, Hàn Quốc.
	VIỄN ĐÔNG 3 Trọng tải : 6.523 DWT Năm đóng : 2004 Loại hợp đồng: Hợp đồng định hạn được ký lại sau mỗi 6 tháng. Phí : 4.500 USD/Ngày Bên thuê : Công ty Searoad, Hàn Quốc.
	VIỄN ĐÔNG 5 Trọng tải : 6.508 DWT Năm đóng : 2006 Loại hợp đồng : Hợp đồng định hạn được ký lại sau mỗi 6 tháng. Phí : 6.000 USD/Ngày Bên thuê : Công ty Searoad, Hàn Quốc.
	LONG AN Trọng tải : 9,578 DWT Năm đóng : 1982 Loại hợp đồng : Hợp đồng định hạn được ký lại sau mỗi 6 tháng. Phí : 5.500 USD/Ngày Bên thuê : Công ty Searoad, Hàn Quốc.

d. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Vận tải biển quốc tế	678.790	35,7%	1.000.375	70,1%	1.769.562	70,9%
2	Vận tải biển nội địa	12.553	0,7%	2.161	0,2%	4.665	0,2%
3	Hoạt động sửa chữa bảo Dưỡng	11.366	0,6%	20.867	1,5%	21.916	0,9%
4	Hoạt động dịch vụ đại lý	4.663	0,2%	2.472	0,2%	2.427	0,1%
5	Vận tải đường bộ	4.381	0,2%	2.888	0,2%	3.370	0,1%
6	Hoạt động cho thuê lao động	51.092	2,7%	55.544	3,9%	65.079	2,6%
7	Hoạt động thương mại	1.123.148	59,0%	323.386	22,7%	269.836	10,8%
8	Hoạt động kho bãi tổng hợp	-	0,0%	655	0,0%	2.475	0,1%
9	Hoạt động tài chính	9.600	0,5%	15.324	1,1%	73.559	2,9%
10	Hoạt động khác	7.326	0,4%	2.732	0,2%	284.328	11,4%
	Tổng cộng	**1.902.918**	**100,0%**	**1.426.406**	**100,0%**	**2.497.217**	**100,0%**

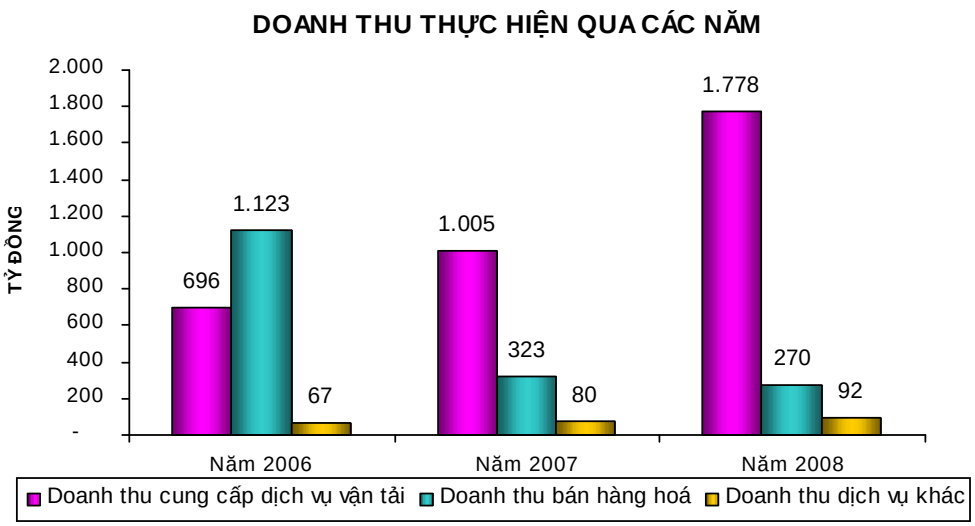

Nguồn: Vitranschart

Doanh thu bán hàng hoá của doanh nghiệp trong năm 2006 chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu và nguyên liệu Clinker cho ngành xi măng. Tuy nhiên, theo quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 Công ty thương mại xăng dầu đường biển Vitranschart thuộc Công ty vận tải và thuê tàu biển Việt Nam được chuyển về hạch toán phụ

thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nên trong năm 2007 doanh nghiệp chỉ kinh doanh sản phẩm nguyên liệu Clinker và các hàng hóa khác không phải là xăng dầu. Đây là nguyên nhân chính làm cho doanh thu bán hàng trong năm 2007 giảm mạnh so với năm 2006, cụ thể mức giảm doanh thu bán hàng hóa là 800 tỷ đồng tương đương 71%.

e. Lợi nhuận từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Vận tải biển quốc tế	83.830	210,5%	174.189	172,5%	134.081	49,2%
2	Vận tải biển nội địa	7	0,0%	(25)	0,0%	(67)	0,0%
3	Hoạt động sửa chữa bảo Dưỡng	6	0,0%	1.064	1,1%	317	0,1%
4	Hoạt động dịch vụ đại lý	633	1,6%	(321)	-0,3%	(800)	-0,3%
5	Vận tải đường bộ	(147)	-0,4%	59	0,1%	(205)	-0,1%
6	Hoạt động cho thuê lao động	(397)	-1,0%	1.175	1,2%	961	0,4%
7	Hoạt động thương mại	14.619	36,7%	6.411	6,3%	7.871	2,9%
8	Hoạt động kho bãi tổng hợp	-	0,0%	(1.292)	-1,3%	(1.114)	-0,4%
9	Hoạt động tài chính	(58.353)	-146,6%	(63.837)	-63,2%	(141.405)	-51,9%
10	Hoạt động khác	(380)	-1,0%	(16.430)	-16,3%	272.876	100,1%
	Tổng cộng	**39.818**	**100,0%**	**100.992**	**100,0%**	**272.515**	**100,0%**

Nguồn: Vitranschart

Khoản lỗ từ hoạt động tài chính trong năm 2008 là 141 tỷ, trong đó lỗ do chênh lệch tỷ giá là hơn 60 tỷ đồng.

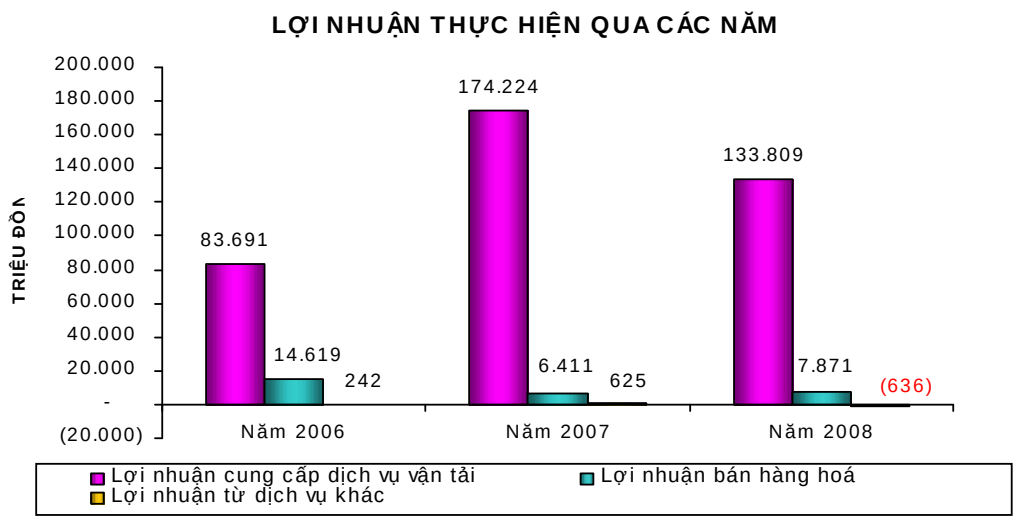

Trong năm 2007 với lợi thế các tàu có độ tuổi nhỏ, các sĩ quan thuyền viên nhiều kinh nghiệm nên Công ty có lợi thế khi thoả thuận giá cước với các đối tác. Thêm vào đó là lạm phát tăng mạnh trong thời gian qua cũng đã làm tác động đến giá cước vận chuyển. Với xu thế giá cước tăng trong năm 2007 và 9 tháng đầu năm 2008 đã góp phần làm cho lợi nhuận của Công ty trong hoạt động vận tải tăng lên từ 84 tỷ đồng năm 2006 lên 174 tỷ đồng năm 2007 và cả năm 2008 lợi nhuận của hoạt động vận tải biển lên 134 tỷ đồng. Trái lại với hoạt động vận tải biển là hoạt động thương mại của Công ty đã giảm xuống vì đã chuyển giao hoạt động thương mại xăng dầu cho Tổng công ty Hàng hải nên lợi nhuận Công ty đã giảm từ 14,6 tỷ đồng trong năm 2006 xuống 6,4 tỷ đồng năm 2007 và trong năm 2008 chỉ đạt 7,871 tỷ đồng.

6.3. Nguyên vật liệu:

Nhiêu liệu tiêu hao cho hoạt động đội tàu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Dầu DO	50.743	65.377	90.614
Dầu FO	111.489	135.745	166.750
Dầu Nhờn	18.600	24.697	87.050
Tổng cộng	**180.832**	**225.819**	**344.414**

Nguồn: Vitranschart

Nhiên liệu sử dụng cho đội tàu là dầu DO, Dầu FO và các loại dầu nhờn khác, giá trị tiêu hao nhiên liệu thực tế qua các năm được tính dựa trên sản lượng nhiên liệu thực tế sử dụng trong kỳ.

6.4. Chi phí sản xuất:

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần như sau:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	**1.885.993**	**100%**	**1.408.350**	**100%**	**2.139.330**	**100%**
Giá vốn hàng bán	1.713.014	90,8%	1.150.433	81,7%	1.902.785	88,9%
Chi phí bán hàng	50.471	2,7%	44.893	3,2%	45.659	2,1%
Chi phí QLDN	23.857	1,3%	31.764	2,3%	49.842	2,3%
Chi phí tài chính	67.953	3,6%	79.162	5,6%	214.964	10,1%
Tổng cộng	**1.855.294**	**94,8%**	**1.306.252**	**92,8%**	**2.213.250**	**103,5%**

Chi tiết chi phi trong giá vốn hàng bán

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Nhiên liệu	167.024	9,8%	201.760	17,5%	376.752	19,8%
2	Vật liệu , công cụ	45.725	2,7%	69.281	6,0%	77.341	4,1%
3	Khấu hao TSCĐ	111.425	6,5%	173.339	15,1%	666.125	35%
4	Lương CN trực tiếp	111.542	6,5%	131.514	11,4%	211.666	11,1%
5	BHXH ,KPCĐ , BH y tế	3.643	0,2%	5.631	0,5%	7.372	0,4%
6	Tiền ăn	-	0,0%	9.533	0,8%	12.762	0,7%
7	Chi phí khác	1.273.655	74,4%	559.375	48,6%	550.766	28,9%
	Trong đó :Hàng thương mại + Thuê phương tiện	*1.088.409*	*63,5%*	*298.185*	*25,9%*	*238.259*	*12,5%*
Tổng cộng		**1.713.014**	**100%**	**1.150.433**	**100%**	**1.428.321**	**100%**

Trong năm 2006 doanh thu từ hoạt động thương mại chiếm khá lớn trong tổng doanh thu của Công ty nên chi phí giá vốn hàng bán từ hoạt động thương mại chiếm đến 63,5% tổng giá vốn toàn Công ty. Tuy nhiên, năm 2007 và năm 2008 tỷ lệ này giảm lần lượt còn 25,9% và 12,5%. Các tàu của Vitranschart có giá trị lớn và thời gian khấu hao từ 5 đến 10 năm nên giá trị khấu hao chiếm tỷ trọng không nhỏ trong giá vốn hàng bán của toàn Công ty cụ thể trong năm 2007 khấu hao tài sản cố định chiếm 15,1%.

Trong năm 2008, Công ty đã tăng tỷ lệ khấu hao cho các tàu dẫn đến khấu hao trong năm 2008 tăng 210% so với kế hoạch nhằm tăng nguồn quỹ khấu hao đầu tư mua các tài sản mới. Tỷ lệ chi phí khấu hao chiếm đến 35% so với tổng chi phí giá vốn trong toàn Công ty. Trong năm 2009 với chiến lược kinh doanh của mình Công ty sẽ thay đổi tỷ lệ khấu hao phù hợp hơn trong tình hình kinh doanh.

6.5. Trình độ công nghệ:

a) Trang thiết bị sản xuất:

Công ty luôn xác định đầu tư các phương tiện vận chuyển, thiết bị công nghệ tiên tiến là một trong những yếu tố quan trọng góp phần trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Do đó, Công ty đã tìm hiểu tiếp xúc để phát triển công nghệ vừa khai thác hiệu quả những thế mạnh và nguồn lực hiện có của Công ty vừa phát triển công nghệ, nâng cao lợi thế cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra, công tác quản

lý kỹ thuật và hiện đại hóa quy trình dịch vụ để phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và hệ thống tiêu chuẩn quốc tế cũng luôn được cập nhật. Hiện đến thời điểm cuối năm 2008, đội tàu của Công ty gồm 18 tàu với tổng trọng tải hơn 260.000 DWT. Các tàu còn lại được trang bị hiện đại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công ước quốc tế, đảm bảo điều kiện kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của các tổ chức an toàn và an ninh trên thế giới. Đội tàu của Công ty có đủ điều kiện để thực hiện các hành trình trên tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong tháng 9 năm 2007 Công ty làm lễ tiếp nhận bàn giao tàu MV VTC DRAGON có trọng tải 22.500 DWT từ Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng. Tàu VTC DRAGON là một trong 2 chiếc thuộc dự án đóng mới trong loạt tàu 22.500 DWT của Công ty và chiếc thứ 2 sẽ tiếp nhận vào trong tháng 2 năm 2009 tiếp nối chiến lược phát triển đội tàu của Công ty Vitranschart đến năm 2010.

Trong năm 2008 Công ty đã mua sắm thêm 2 tàu mới là VTC Sun có trọng tải 23.581 DWT và VTC Plannet có trọng tải 22.176 DWT để bổ sung vào đội tàu của Công ty tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

LỄ TIẾP NHẬN BÀN GIAO TÀU VTC DRAGON

BẢNG KÊ CÁC ĐỘI TÀU CỦA CÔNG TY ĐẾN THỜI ĐIỂM 30/09/2008

STT	TÊN TÀU	LOẠI	NĂM/ NƠI ĐÓNG	TUỔI TÀU	TRỌNG TẢI	CỜ/ CƠ QUAN PHÂN CẤP	THIẾT BỊ LÀM HÀNG
1	FAR EAST	Tweedeck **(general cargo)**	1982 / UK	26	15.175	Vietnam / VR	1 x 2.5T 3 x 5T 1 x 2.5T
2	HAWK ONE	Tweedeck **(general cargo)**	1983 / Spain	25	14.986	Vietnam/ VR	2 x 35T 2 x 3.5T 2 x 35T
3	LONG AN	Singledeck	1982 / Japan	26	9.578	Vietnam/ VR	1 x 15T 4 x 20T
4	SAI GON 5	Tweendeck	1980 / UK	28	15.100	Vietnam/ VR	5 x 5T
5	PHUONG DONG 1	Tweendeck	1986 / UK	22	15.136	Vietnam / LR	1 x 3.5T 3 x 7.5T

STT	TÊN TÀU	LOẠI	NĂM/ NƠI ĐÓNG	TUỔI TÀU	TRỌNG TẢI	CỜ/ CƠ QUAN PHÂN CẤP	THIẾT BỊ LÀM HÀNG
		(General cargo)					1 x 3.5T
6	PHUONG DONG 2	Tweendeck **(General cargo)**	1986 / UK	22	15.120	Vietnam / VR	1 x 3.5T 3 x 7.5T 1 x 3.5T
7	PHUONG DONG 3	Tweendeck **(General cargo)**	1986 / UK	22	15.147	Vietnam / VR	1 x 3.5T 3 x 7.5T 1 x 3.5T
8	VIEN DONG 1	Tweendeck **(General cargo)**	1989 / Japan	19	6.839	Vietnam / NK-VR	4 x 25T
9	VIEN DONG 3	Singledeck **(Bulk cargo)**	2004 / Vietnam	4	6.523	Vietnam / NK-VR	2 x 25T 2 x 25T
10	VIEN DONG 5	Singledeck **(Bulk cargo)**	2005 / Vietnam	3	6,058	Vietnam / NK + VR	2 x 25T 2 x 25T
11	VTC STAR	Singledeck **(Bulk cargo)**	1990 / Japan	18	22.273	Vietnam / NK	4 x 30T
12	VTC SKY	Singledeck **(Bulk cargo)**	1997 / Japan	11	24.260	Vietnam / LR + VR	4 x 30T
13	VTC LIGHT	Singledeck **(Bulk cargo)**	1995 / Japan	13	21.964	Vietnam / NK-VR	4 x 30T
14	VTC GLOBE	Singledeck **(Bulk cargo)**	1995 / Japan	13	23.726	Vietnam/NK + VR	4 x 30T
15	VTC DRAGON	Singledeck **(Bulk cargo)**	2007 / Vietnam	1	22.500	Vietnam / NK + VR	4 x 30T
16	VTC SUN	Singledeck **(Bulk cargo)**	1996 / Japan	12	23.581	Vietnam / NK-VR	4 x 30T
17	VTC PLANET	Singledeck **(Bulk cargo)**	1993 / Japan	15	22.176	Vietnam / NK-VR	4 x 30T
18	PMT 1	Tanker	2005 / Vietnam	3	1.250	Vietnam / VR	Bơm Dầu
19	PMT2	Tanker	2006 / Vietnam	2	1.250	Vietnam / VR	Bơm Dầu
Tổng Cộng				**257**	**282.642**		
Tuổi tàu bình quân				**15**			

Nguồn: Vitranschart

Tuổi tàu bình quân của Vitranschart đến thời điểm 30/09/2008 là 15 là một trong những đội tàu có tuổi bình quân trẻ nhất Việt Nam.

Trong tổng số 19 tàu Công ty vào thời điểm hiện này có tàu LONG AN và tàu SAIGON 5 đã được ký hợp đồng chuyển nhượng lại cho một Công ty khác. Vì tàu LONG AN đang cho thuê định hạn nên chưa thể giao tàu. Trong tháng 10 giao tàu SAIGON 5 và trong tháng 11 năm 2008 tàu LONG AN thực hiện xong hợp đồng thuê tàu và được Công ty giao cho bên mua.

b) Tỷ lệ khả năng khai thác của đội tàu:

Hàng tháng Công ty có thống kê tỷ lệ khai thác của các tàu để đánh giá hiệu quả hoạt động nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh, lịch trình hoạt động hợp lý cho đội tàu nâng cao khả năng khai thác, tối đa hoá lợi nhuận cho Công ty.

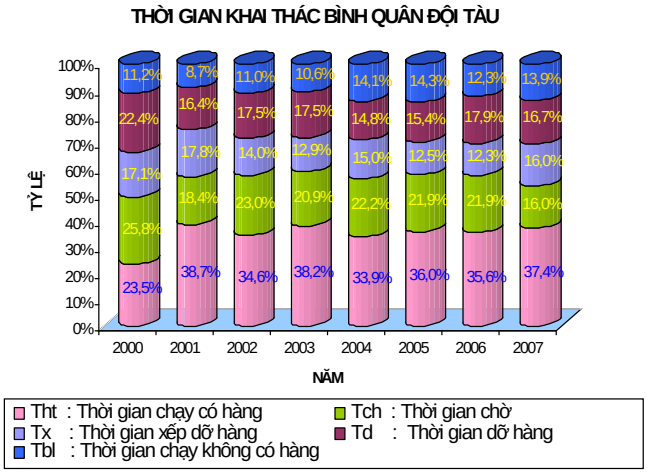

Thời gian tàu làm hàng, neo chờ chiếm 48,7% giảm 3,4% so với năm trước tuy nhiên vẫn còn mức cao vì một số nguyên nhân khách quan như: do thời gian làm thủ tục kéo dài, thời gian hun trùng hay thời gian chờ cấp nhiên liệu hay các phụ tùng cho tàu làm ảnh hưởng đến thời gian chờ tàu.

Thời gian sửa chữa bảo dưỡng trong năm 2007 là 13,5% tương đương với 49ngày/tàu/năm tập trung vào 6 tháng đầu năm vì các tàu bị một số lỗi khi hoạt động như vướng cạn, va chạm khi điều động, hư hỏng cấu trúc và thiết bị do gặp thời tiết khắc nghiệt. Tuy nhiên các lỗi này đã được Công ty phát hiện và sửa chữa kịp thời để đưa vào sử dụng và hoạt động khai thác tốt ngay sau đó nên tỷ lệ thời gian sửa chữa rất thấp.

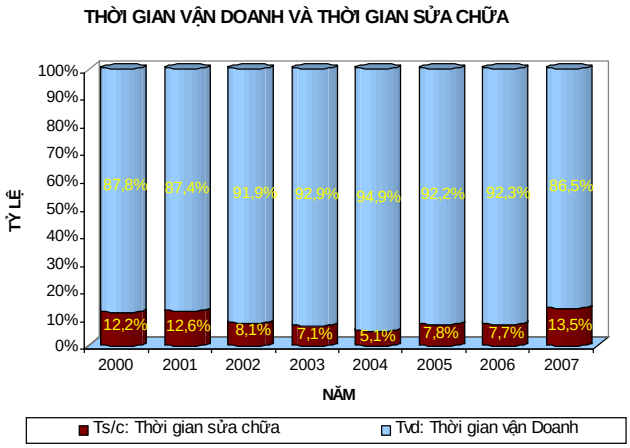

c) Thực hiện nghiệp vụ cho thuê thuyền viên

Thời gian kinh nghiệm của các sĩ quan thuyền viên (Tính đến 31/12/2008)

Chức vụ trên các tàu	Thời gian giữ chức danh bình quân (Năm)	Thời gian đi tàu bình quân (Năm)
Thuyền trưởng	10	20
Máy trưởng	10	20
Đại phó	2	15
Máy 2	2	15
Phó 2	2	13
Máy 3	2	13

Chức vụ trên các tàu	Thời gian giữ chức danh bình quân (Năm)	Thời gian đi tàu bình quân (Năm)
Phó 3	2	10
Máy 4	2	10
Thủy thủ trưởng	5	13
Thợ cả	5	13
Thủy thủ	3	7
Thợ máy	3	7
Cấp dưỡng	4	5

Nguồn: Vitranschart

Công ty luôn cập nhật kiến thức cũng như trình độ chuyên môn cho đội ngũ Sĩ quan thuyền viên nhằm đáp ứng tốt nhất những yêu cầu cao của các cảng biển và quy định trên các tuyến tàu vận chuyển theo công ước, qui định quốc tế. Số thuyền viên đang phục vụ cho các chủ tàu tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008:

- ✓ Thuyền viên đi cho các chủ tàu Nhật Bản: 71 SQTV
- ✓ Thuyền viên đi cho các chủ tàu Đài Loan: 115 SQTV
- ✓ Thuyền viên đi cho các chủ tàu Singapore: 16 SQTV
- ✓ Thuyền viên đi cho các chủ tàu trong nước : 64 SQTV
- ✓ Thuyền viên đi tàu Công ty: 444 SQTV

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

So với các đội tàu trong nước thì Vitranschart đang chiếm ưu thế về thị trường vận chuyển đi các nước Châu Mỹ, Châu Phi đây là những tuyến đường rất khó khăn, thời gian hoạt động dài, yêu cầu tình trạng kỹ thuật tốt, tàu lớn, cấp tàu không hạn chế, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn tại cảng các nước cũng như thuyền viên có đầy đủ kinh nghiệm và bằng cấp.

Hiện nay, Công ty đang triển khai dự án nghiên cứu phát triển đội tàu và các điều kiện kỹ thuật cũng như trình độ của các thuyền viên để có thể vận chuyển hàng hoá vào thị trường Mỹ. Với mức phí cao và lượng hàng hoá giao thương giữa Mỹ và Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước như hiện nay thì cơ hội phát triển cho Vitranschart rất khả thi.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

a) Hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm đang áp dụng:

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý an toàn (ISM code) là phiên bản của ISO 9000 quản lý chất lượng cho ngành hàng hải. Công ty có giấy chứng nhận phù hợp (DOC) và mỗi tàu đều được cấp giấy chứng nhận an toàn quốc tế (SMC). Thuyền viên đều có đủ bằng

cấp tuân thủ STWC-95 (Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo và cấp bằng cho thuyền viên) phục vụ cho tội tàu Công ty và cho thuê. Các tàu Công ty được phân cấp kiểm tra kỹ thuật bởi các cơ quan đăng kiểm có uy tín trên thế giới như LR, NK… Công ty luôn tuân thủ các công ước quốc tế của IMO và chịu sự kiểm tra ngặt nghèo của PSC (kiểm soát cảng quốc gia) của các nước trên thế giới.

b) Quy trình thực hiện các hợp đồng vận tải của Công ty:

Trong hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa trên các Công ty môi giới trong và ngoài nước. Khi có hàng hóa cần vận chuyển thì các Công ty môi giới sẽ thông báo cho Vitranschart thông qua bộ phận khai thác. Từ những thông tin các nhà môi giới cung cấp phòng khai thác sẽ lựa chọn các loại hàng hóa phù hợp tương ứng với mức giá và mức hoa hồng hợp lý để đạt hiệu quả cao nhất với các tàu. Sau khi ký hợp đồng vận chuyển với các đối tác, phòng khai thác sẽ triển khai thực hiện hợp đồng.

Quy trình khai thác tàu thực hiện thông qua các bước sau:

- Nguồn hàng: Việc xác định nguồn hàng thực hiện thông qua một trong các đối tác sau:
  - Tiếp xúc trực tiếp với chủ hàng
  - Thông qua nhà môi giới hàng hóa
  - Thông qua các Công ty giao nhận
- Xác định giá và đàm phán các điều khoản hợp đồng: Việc đàm phán được tiến hành dựa trên các mẫu hợp đồng chuẩn. Các hình thức hợp đồng bao gồm: Hợp đồng chuyến, hợp đồng định hạn và hợp đồng thuê tàu.

  Giá cước được xác định dựa trên các điều kiện về hàng hoá, tuyến đường, cung cầu, phương thức giao nhận hàng hoá, chất lượng phương tiện thực hiện vận chuyển…và tùy theo từng hợp đồng mà phòng khai thác đưa ra mức giá cước có hiệu quả nhất làm cơ sở đàm phán ký kết hợp đồng.
- Lựa chọn phương tiện: Phương tiện được bố trí lựa chọn phải đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan. Ngoài ra phương tiện còn phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng dịch vụ như: tuổi tàu, trọng tải, mớn nước, thuyền viên.
- Điều động tàu: Căn cứ vào các điều khoản hợp đồng và thông tin về hàng hoá, tàu sẽ được điều động một cách phù hợp để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng. Mọi thông tin về hoạt động hàng ngày của tàu sẽ được cập nhật 24/24 thông qua các thiết bị thông tin liên lạc. Tất cả các thông tin về hoạt động của tàu sẽ được kiểm soát, điều chỉnh và cập nhật cho người thuê tàu/chủ hàng và các bên liên quan theo yêu cầu của Người thuê tàu.

- Theo dõi việc thực hiện hợp đồng: Trong quá trình khai thác tàu phải luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê tàu theo đúng thông lệ quốc tế về vận tải đường biển.

c) Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Các tàu Công ty có đầy đủ giấy chứng nhận của cơ quan đăng kiểm (LR, NK, VR…) về cấp tàu và các giấy chứng nhận Công ước quốc tế như SE, SR, SC, SMS, ISPS…đáp ứng yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) nhằm đảm bảo một cách tối đa về an toàn tàu và bảo vệ môi trường cũng như cung cấp một dịch vụ vận tải hoàn hảo nhất. Đội tàu của Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường hàng hải như Bộ luật ISM Code, ISPS Code, LSA Code, v.v; và các Công ước quốc tế như SOLAS, MARPOL, STCW, CLC. Ngoài ra, đội tàu luôn được duy trì bảo dưỡng theo đúng kế hoạch, chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên và định kỳ của Ban an toàn Công ty và của Cơ quan đăng kiểm, kho cảng, cơ quan bảo hiểm. Bên cạnh đó, Vitranschart còn tham gia Hiệp hội chủ tàu Việt Nam và tham gia các hoạt động của Hiệp hội Chủ tàu ASEAN (FASA), Hiệp hội Chủ tàu Châu Á (ASA) và những tổ chức quốc tế hữu quan khác nhằm học hỏi, chia sẻ những kinh nghiệm quản lý và các hoạt động sản xuất kinh doanh từ các thành viên trong hiệp hội.

d) Kiểm tra đánh giá hoạt động khai thác tàu biển sau chuyến công tác:

Sau mỗi chuyến công tác của các tàu, Công ty thực hiện việc kiểm tra đánh giá hoạt động của tàu khi về đến cảng Việt Nam. Các tiêu chí đánh giá và kiểm tra dựa trên các qui định của Bộ luật quản lý an toàn quốc tế về khai thác tàu an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trên biển (ISM-Code) và Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển (ISPS-Code), an toàn lao động, nội quy, quy chế, quy định về quản lý khai thác kinh doanh vận tải biển của Công ty, tiến hành kiểm tra đánh giá hoạt động toàn diện của tàu. Trong trường hợp kết quả kiểm tra tàu không đạt yêu cầu thì hội đồng kiểm tra đánh giá đưa ra các biện pháp khắc phục trước khi khai thác chuyến tiếp theo.

6.8. Hoạt động Marketing:

Hoạt động quảng cáo:

Với đặc thù kinh doanh là vận tải biển quốc tế, Công ty cần thiết duy trì và phát triển các mối quan hệ với hệ thống môi giới quốc tế. Thông qua các kênh thông tin như báo chí, những website chuyên ngành, Công ty luôn quảng bá hình ảnh của mình và các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Chi phí dành cho hoạt động quảng cáo Công ty trong năm 2006 là: 115 triệu đồng, năm 2007 tăng lên 400 triệu đồng, dự kiến chi phí thực hiện trong năm 2008 cho hoạt động quảng cáo, in thiệp, in brochure gần 500 triệu đồng. Hàng năm Công ty tham gia các hội thảo của các hiệp hội các chủ tàu, các nhà môi giới trong và ngoài nước nhằm đưa thông tin Công ty đến với các đối tác bên ngoài.

- **Hoạt động nghiên cứu thị trường**

Hàng ngày phòng Khai thác và Phòng đầu tư phát triển Công ty luôn tìm hiểu, cập nhật các thông tin về tình hình vận chuyển, cung cầu vận chuyển hàng hoá trên thị trường hàng hải quốc tế cũng như thị trường Việt Nam. Trong quá trình đàm phán, thoả thuận mức giá cước với các chủ tàu Công ty dựa trên những đánh giá xu hướng và tình hình thị trường

- **Khuyến mãi**

Trong hoạt động vận chuyển doanh nghiệp luôn đề cao năng suất hoạt động của các tàu sao cho có hiệu quả. Giảm dưới mức thấp nhất cho thời gian chờ và thời gian chạy không. Thể hiện rõ nhất là trong các hợp đồng xếp dỡ hàng hoá, Công ty có những điều khoản thưởng phạt cho các nhà cung cấp dịch vụ, các chủ tàu khi thực hiện công việc sớm hay chậm trễ làm trì hoãn hoạt động chạy tàu.

- **Chính sách giá**

Công ty dựa vào nhu cầu vận chuyển hàng hoá trên thị trường và các điều kiện sẵn có của chủ hàng và Công ty mà đưa ra mức giá phù hợp cho từng hợp đồng. Giá cước vận chuyển của Công ty bảo đảm tính cạnh tranh, phù hợp với cung cầu của thị trường, đảm bảo lợi nhuận và kế hoạch của Công ty đề ra cho đội tàu. Tuỳ thuộc vào sự biến động của giá dầu trên thế giới mà Công ty sẽ có thay đổi giá thuê tàu để bù đắp chi phí đầu vào đồng thời phù hợp với mặt bằng giá chung trên thị trường quốc tế.

- **Hệ thống phân phối:**

Hệ thống môi giới trên toàn thế giới và cả nước là một lợi thế cho Công ty để phát triển các dịch vụ vận chuyển hàng hóa của mình. Trong hoạt động thương mại thì Công ty thực hiện các hợp đồng mua bán trực tiếp với các đối tác trong nước và nhà cung cấp thường là từ Thái Lan.

6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ:

Doanh nghiệp chưa có nhãn hiệu hàng hóa nào đăng ký được bảo hộ.

6.10. Các Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Một số Hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu và cung cấp sản phẩm tiêu biểu của Công ty được liệt kê trong bảng sau:

HỢP ĐỒNG THUÊ, MUA BÊN NGOÀI

STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV TM& VT Petrolimex	1/1/2008	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận

STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
2	Công ty TM Xăng dầu đường biển (PMT)	31/12/2007	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
3	CN Công ty CP Vận tải xăng dầu Vitaco	4/1/2008	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
4	Công ty TNHH Hempel VN	18/6/2008	Sơn hàng hải	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
5	Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu (Petrolimex Bà Rịa Vũng Tàu)	2/6/2008	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
6	Công ty TNHH Sơn Jotun VN	12/02/2008	Sơn	Theo giá thị trường và sản lượng thực hiện
7	Công ty TNHH NN MTV Công nghiệp tàu thủy Sài Gòn	15/3/2005	Đóng tàu	116.453.858.870 VNĐ
8	Công ty TNHH NN MTV Đóng tàu & Công nghiệp Hàng hải SG	5/8/2008	Sửa chữa	1.570.394.750 VNĐ
9	Công ty TNHH NN MTV Đóng tàu Bạch Đằng	25/8/2006	Đóng tàu	19.416.747,00 USD
10	Công ty TNHH Thiết kế Kỹ thuật Sông La	3/3/2008	Sửa chữa	2.143.185.000 VNĐ

Nguồn: Vitranschart

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
1	Bunge Agribussiness Sigapore Pte Ltd	24/7/2008	Vận Chuyển	USD 2.450.000
2	Vietnam Northern Food Corporation (Vinafood I)	17/3/2008	Vận Chuyển	USD 2.607.754
3	Ascot Commodities NV.Geneva Branch	13/2/2008	Vận Chuyển	USD 2.821.447
4	Cargill International S.A Geneva	12/5/2008	Vận Chuyển	USD 2.508.750
5	Sumati Shipping and Chartering Pte, Ltd	14/7/2008	Vận Chuyển	USD 1.010.000

STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
6	Bauche S.A Paris	16/7/2008	Vận Chuyển	USD 1.484.000
7	Minera Alumbrera Ltd.,Argentina Branch	22/4/2008	Vận Chuyển	USD 2.972.228
8	Transgrain B.V.,Rotterdam	26/2/2008	Vận Chuyển	USD 1.784.447
9	V.A Intertrading Aktiengesellschaft	25/7/2008	Vận Chuyển	USD 2.878.036
10	Acali Maritime Co.Ltd.,BVI	24/6/2008	Vận Chuyển	USD 2.272.898
11	Sucre Export London Ltd.	28/11/2007	Vận Chuyển	USD 1.218.000
12	Novel Commodities S.A, Geneva	21/7/2008	Vận Chuyển	USD 1.799.837
13	Sinano Shipmanagement Ltd.	28/3/2008	Vận Chuyển	USD 439.160
14	Timac Sas	10/3/2008	Vận Chuyển	USD 564.092
15	Toepfer International Asia	10/6/2008	Vận Chuyển	USD 512.124

Nguồn:Vitranschart

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất:

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2006, 2007 và năm 2008

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	Tổng tài sản	1.398.329	2.196.976	2.553.676
2	Doanh thu thuần	1.885.993	1.408.350	2.139.330
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.298	117.422	(360)
4	Lợi nhuận khác	(480)	(16.430)	272.876
5	Lợi nhuận trước thuế	39.818	100.992	272.515
6	Lợi nhuận sau thuế	33.989	97.668	207.241
7	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,8%	6,9%	9,7%

Nguồn: Vitranschart

Doanh thu thuần của Vitranschart trong năm 2006 khá cao. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu thấp chỉ 1,8%, nguyên nhân do doanh thu từ hoạt động thương mại của Công ty chiếm tỷ trọng lớn đến 59,6% mà lợi nhuận thu được từ hoạt động này chỉ 14,8% trong tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Năm 2007 hoạt động thương mại xăng dầu đã chuyển về Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam quản lý nên doanh thu từ hoạt động thương mại giảm xuống còn 23% trong tổng doanh thu thuần của Công ty. Bên cạnh đó Vitranschart cũng phát triển khai thác các tàu nên hiệu quả hoạt động vận tải biển tăng lên chiếm tỷ trọng lợi nhuận đến 96% trong toàn bộ các hoạt động Công ty. Tiếp đà tăng trưởng của năm 2007 và phát huy năng lực vận tải của các tàu hiện hữu và các tàu mới đưa vào khai thác Công ty đã thực hiện hiệu quả và đưa doanh thu trong năm 2008 lên trên 2.100 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 207 tỷ đồng vượt xa thực hiện cả năm 2007.

Trong Năm 2008, Doanh nghiệp đã bán thanh lý tàu Sài Gòn 3, Sài Gòn 5 và tàu LONG AN lợi nhuận từ việc thanh lý tàu trên làm thu nhập khác của Công ty tăng lên trên 272 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua:

- **Những khó khăn tác động đến hoạt động đến Vitranschart:**

  - ✓ Đội tàu biển của Việt Nam nói chung và của Vitranschart nói riêng thiếu nguồn hàng vận chuyển: Thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của đội tàu Việt Nam tăng chậm, một phần do chất lượng dịch vụ của đội tàu Việt Nam chưa cao, trong khi giá cước lại cao nên chưa có sức cạnh tranh với các đội tàu của các nước khác trên thế giới. Hơn nữa, chủ hàng của Việt Nam đã quen với tập quán bán với giá FOB dẫn tới người mua hàng ở nước ngoài được "mua tận gốc" và có quyền chỉ định tàu chuyên chở. Mặt khác, các chủ hàng ngoại thường bán với giá CIF tức là "bán tận ngọn" và dành luôn quyền lựa chọn tàu chuyên chở.
  - ✓ Những thay đổi lớn trong ngành hàng hải quốc tế gần đây như áp dụng Bộ luật an toàn hàng hải ISM Code, an ninh hàng hải ISPS, bộ luật về đào tạo và cấp chứng chỉ cho thuyền viên STCW 95 hay tình trạng cướp biển và khủng bố quốc tế… đã, đang và sẽ còn là gánh nặng không nhỏ cho Công ty.
  - ✓ Hiện nay các Công ty liên doanh được phép sản xuất đầu tư khép kín từ sản xuất kinh doanh cảng, vận tải biển, đại lý hàng hải đã làm cho cạnh tranh trong dịch vụ vận tải biển trở nên phức tạp hơn. Đòi hỏi Công ty phải cải tiến kỹ thuật, đầu tư mới đội tàu, trẻ hóa đội tàu hiện đại hơn, nâng cao chất lượng dịch vụ mới có thể cạnh tranh được với các đối thủ khác.

- **Những thuận lợi tác động đến hoạt động của Vitranschart:**

  - ✓ Thực hiện theo định hướng phát triển đội tàu biển của cả nước, Công ty được hỗ trợ, ưu đãi về lãi suất, về thuế thu nhập để đóng mới các tàu, gia tăng năng lực vận chuyển của Công ty.
  - ✓ Kinh nghiệm làm việc của các thuyền viên giúp Công ty phát triển mạnh các các tuyến vận chuyển truyền thống như vận chuyển lương thực đi Cuba, vận chuyển hàng hóa nông sản khác qua lại giữa các nước thuộc Châu Mỹ và Châu Phi. Đây là thị trường mà Vitranschart đang có lợi thế khai thác, hiện nay chưa có nhiều Công ty trong nước khai thác các tuyến này.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

- ***Ngành vận tải biển Việt Nam***

Vận tải biển 	Ngành vận tải biển Việt Nam trong bối cảnh hiện nay phải đối mặt với nhiều áp lực lớn như các tiêu chuẩn an toàn, các điều lệ và thông lệ hàng hải quốc tế ngày càng siết chặt, việc tăng cường đầu tư tàu có tải trọng lớn và độ tuổi trẻ là yêu cầu cấp bách đối với các chủ tàu Việt Nam nếu không muốn bị loại ra khỏi cuộc chơi quốc tế, bó hẹp trong thị trường nội địa và thu hẹp thêm nữa thị phần trước các hãng tàu nước ngoài hùng mạnh. Hiện nay, các tàu chuyên dụng cho dầu, gas, container còn ít và trọng tải nhỏ. Phần lớn tàu Việt Nam là tàu hàng khô do mức đầu tư thấp hơn và các tiêu chuẩn kỹ thuật không đòi hỏi cao bằng. Hàng hóa cho tàu khô chủ yếu là nông sản, phân bón, khoáng sản, vật liệu xây dựng... Đây là những mặt hàng phổ biến trong cơ cấu hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam, nguồn hàng nhìn chung dồi dào nhưng giá trị lại thấp. Cũng chính vì vậy mà giá cước vận tải hàng khô thấp hơn các hàng chuyên dụng và tính cạnh tranh cũng gay gắt hơn. Tuy nhiên, đối với các hãng tàu tạo được sự khác biệt bằng tải trọng lớn để từ đó tận dụng lợi thế theo quy mô thì cơ hội kiếm lợi nhuận vẫn khá khả quan. Trong 6 tháng đầu năm 2008 nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển gia tăng mạnh mẽ, lượng hàng hoá xuất nhập khẩu như: quặng, than, sắt thép, phân bón… tại một số thị

	trường lớn như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Braxin, Nam Phi tăng mạnh. Giá cước vận chuyển trên các tuyến nước ngoài tiếp tục duy trì ở mức cao, đối với các mặt hàng bách hoá, hoá chất, xi măng, sắt thép, quặng…. trên các tuyến vận chuyển từ Đông Bắc Á đi Đông Nam Á, Nam Á và chiều ngược lại tăng trung bình khoảng từ 25 đến 35 % so với cùng kỳ năm 2007. Cước chở đường tuyến Nam Mỹ - Tây Phi tăng khoảng 55%, chở gạo tuyến Đông Nam Á đi Trung Mỹ tăng từ 35 – 40%. Từ những phát triển trên ta nhận thấy được các xu hướng phát triển của ngành và tiềm năng của ngành vận tải bằng đường biển trong những năm sắp tới.
Dịch vụ cho thuê thuyền viên 	Hiện nay, định hướng phát triển ngành hàng hải của nước ta không chỉ đơn thuần là mở rộng thị trường vận tải, tăng thị phần lao động, mà còn tạo môi trường để nâng cao chất lượng cho người lao động, đặc biệt là khối thuyền viên, khi họ trực tiếp cọ xát với thị trường vận tải khu vực và thế giới. Việt Nam đưa ra định hướng, chiến lược phát triển nguồn nhân lực là các sĩ quan thuyền viên phục vụ hiệu quả cho các đội tàu trong nước và quốc tế nhằm: - Giữ vững những thị trường xuất khẩu đã có và tăng dần số lượt người lao động tại các thị trường như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc… - Mở rộng thị trường khu vực sang các quốc gia như Singapore, Malaysia; tiến tới tham gia vào thị trường các nước Châu Âu như Pháp (là thị trường đã sử dụng thuyền viên Việt Nam từ những năm 90), Đức, Đan Mạch, Nauy... - Tiếp cận với những tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại và kinh nghiệm quản lý từ những đội tàu lớn trên thế giới để về áp dụng cho Việt Nam. Đây là xu hướng được ưu tiên phát triển của ngành hàng hải Việt Nam.

➢ ***Thực trạng hoạt động của ngành Vận tải biển của Việt Nam trong thời gian qua:***

Theo thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, khối lượng vận tải biển năm 2007 đạt khoảng 59.376.000 tấn hàng hoá, tăng 20% so với năm 2006. Trong đó, vận chuyển container đạt 1.347.000 TEU, tăng 21%; vận tải nước ngoài đạt 44.286.000 tấn và vận tải trong nước đạt

15.090.000 tấn. Năm 2008, chỉ tiêu của toàn ngành là đạt khối lượng vận chuyển tăng 20% so với năm ngoái.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường biển của cả các Công ty kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển và một số doanh nghiệp khác thì khối lượng vận chuyển đã tăng mạnh trong những năm gần đây.

Biểu đồ tăng trưởng khối lượng vận chuyển hàng hóa đường biển

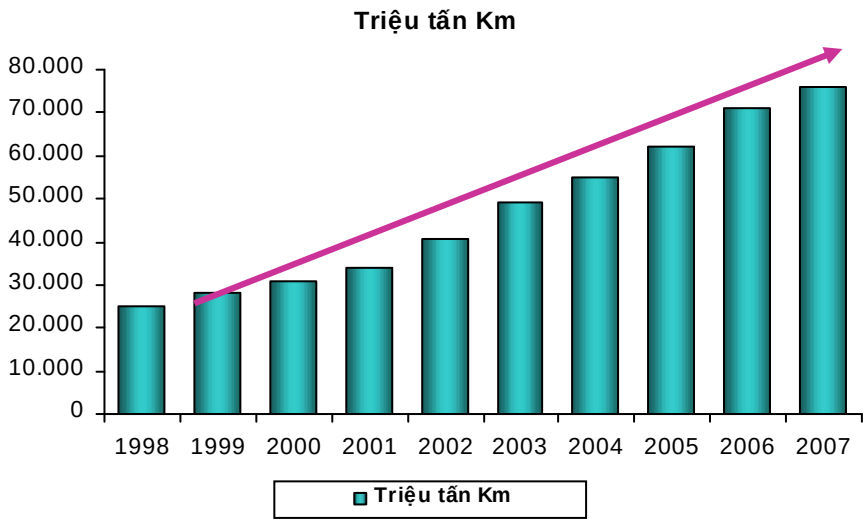

Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù lượng hàng hóa vận chuyển được các đội tàu Việt Nam thực hiện tăng lên mỗi năm thêm vào đó là chất lượng đội tàu biển Việt Nam những năm gần đây đã có những tiến bộ đáng kể, tuy nhiên nhìn chung lực lượng các đội tàu của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao về kỹ thuật, những yêu cầu của công ước quốc tế về hàng hải. Đội tàu già, chất lượng còn thấp đã khiến Việt Nam loay hoay chưa thoát ra khỏi danh sách 10 nước có số tàu biển bị lưu giữ nhiều nhất cũng như vẫn trong danh sách đen của Tokyo MOU. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho chủ tàu của ta mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín, năng lực cạnh tranh của đội tàu biển quốc gia. Nên hiệu quả khai thác chưa được triệt để, còn nhiều cơ hội phát triển của ngành vận tải Việt Nam**.**

Năng lực tiếp nhận hàng hóa, các con tàu lớn tại các cảng biển trong nước cũng là một nhân tố quan trọng để ngành vận tải biển phát triển. Năm 2008 có thể sẽ đánh dấu là một năm nhiều khởi sắc trong hoạt động đầu tư cảng biển trong nước với hàng loạt các dự án lớn được đầu tư, khởi công xây dựng để có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển, mở rộng năng lực vận chuyển của các đội tàu.

- ***Vị thế của Công ty Vitranschart trong ngành:***

Là đơn vị thuộc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, Công ty được hỗ trợ trong việc vay vốn ưu đãi phát triển các đội tàu theo các chương trình của Chính phủ. Công ty đã tích lũy được kinh

nghiệm trong việc quản lý và phát triển kinh doanh Vận tải biển là một ngành tương đối đặc thù. Công ty có nguồn nhân lực đủ khả năng và kinh nghiệm để tổ chức kinh doanh vận hành đội tàu của Công ty.

So với một số đối thủ cạnh tranh trên thị trường, điểm mạnh của Vitranschart là năng lực đội tàu vận tải hàng khô lớn, chuyên nghiệp, chủ động thời gian, lịch trình tàu. Ngoài ra, sự đa dạng hóa về cơ cấu phương tiện vận chuyển có thể đáp ứng nhu cầu vận chuyển mọi lúc, mọi nơi với yêu cầu cao về khối lượng, chất lượng và tiến độ. Đội ngũ quản lý Công ty có bề dày kinh nghiệm cổ đông sáng lập, các nhà đầu tư vào Công ty đều là những người có bề dày kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Vị thế của Vitranschart trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

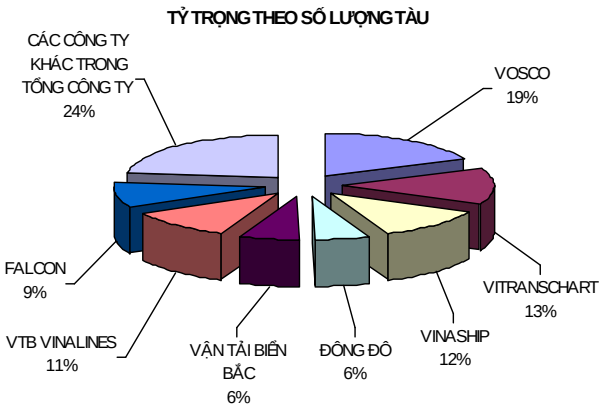

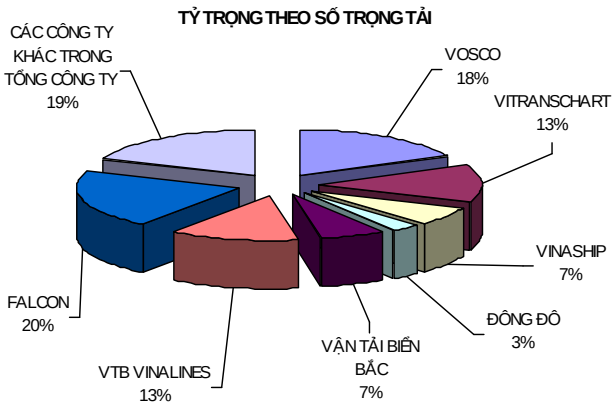

Nguồn: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam có số lượng tàu và tổng trọng tải chiếm hơn 50% so với số lượng tàu và tổng trọng tải của cả Việt Nam.

Vitranschart so với một số Công ty lớn trong nước tính đến 30 tháng 09 năm 2008.

TÊN CÔNG TY	Số lượng tàu	Tổng trọng tải (Dwt)	Tải trọng bình quân/tàu	Tuổi bình quân/tàu
VOSCO	26	408.355	15.706	16
VITRANSCHART	19	282.642	14.875	15
VINASHIP	17	150.531	8.855	21
VTB VINALINES	16	287.482	17.968	12
FALCON	13	473.901	36.454	25
VẬN TẢI BIỂN BẮC	9	151.327	16.814	16
ĐÔNG ĐÔ	8	64.680	8.085	14
GEMADEPT	3	27.207	9.069	15

Nguồn: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Số lượng tàu trong năm 2008 của Vitranschart là 19 tàu đứng thứ 2 chỉ sau VOSCO trong các doanh nghiệp có quy mô lớn trong ngành vận tải biển. Tổng trọng tải của doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại nhỏ hơn VTB vinalines và FALCON. Tuy nhiên, Vitranschart có tuổi tàu bình quân 15 tuổi là một trong những đội tàu trẻ nhất Việt Nam, đến tháng 2 năm 2009 Công ty bổ sung thêm 1 tàu đóng mới với trọng tải 22.500 DWT và mua thêm 1 tàu có trọng tải 23.492 DWT để nâng tổng trọng tải của đội tàu Công ty lên trên 300.000 DWT và giảm tuổi bình quân xuống dưới 13 tuổi.

Vitranschart đã tham gia xuất khẩu dịch vụ vận tải biển (chở thuê cho nước ngoài). Hoạt động mang tính quốc tế hóa rất cao này đã chứng minh một phần trình độ, năng lực quản lý, điều hành của Công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam. Chất lượng sản phẩm dịch vụ vận tải biển của các Công ty đã được thị trường khu vực và quốc tế chấp nhận.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành Vận tải biển:

8.2.1. Triển vọng phát triển của ngành Vận tải

Với mức tăng trưởng ngoại thương của Việt Nam hàng năm tăng hơn 20% và tốc độ GDP tăng cao, Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh. Sau thời gian khan hiếm lương thực trong thập niên 80, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 trên thế giới. Cùng với gạo và xuất khẩu nông sản khác, những ngành công nghiệp mới bắt đầu phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu thế giới. Bên cạnh đó, sản xuất công nghiệp của Việt Nam đã phát triển và tăng trưởng từ mức chiếm 27,3 % GDP trong năm 1983 lên 41,5% GDP năm 2006. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm từ 5,3% xuống còn 4,4% năm 2006. Từ đó ta thấy sự phát triển không ngừng tăng lên của nền kinh tế Việt Nam và tăng cường giao thương với các nước trên thế giới.

Thêm vào đó, để đáp ứng những yêu cầu đối với một thành viên WTO, Việt Nam đã sửa đổi gần như toàn bộ luật và các quy định liên quan đến đầu tư và thương mại. Cùng với những cơ hội mới do những sửa đổi này mang lại, các doanh nghiệp nước ngoài đóng góp gần 58% tổng mức xuất khẩu của Việt Nam. Thương mại giữa Việt Nam và Mỹ cũng tăng lên đáng kể chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam với các nước.

Theo quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì mục tiêu phát triển là nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đến năm 2010 là 25%, đến năm 2020 là 35% và vận tải biển nội địa là 100%. Dự báo mới nhất về lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam năm 2010 là 265 triệu tấn/năm và năm 2020 là 480 triệu tấn/năm. Bên cạnh đó, giá cước vận tải cũng duy trì ở mức cao, tăng trung bình 25 - 35% mỗi năm. So với năm 2007 cước tuyến Nam Mỹ - Tây Phi tăng khoảng 55%, cước vận tải gạo tuyến Đông Nam Á - Trung Mỹ tăng 35 - 40%, chở nông sản tuyến Nam Mỹ - Đông Nam Á tăng 50 - 60%. Điều

này tạo cho thị trường vận tải biển một sức hấp dẫn mạnh mẽ, ngay cả khi những rủi ro vẫn còn tiềm ẩn.

Hơn nữa, các cảng biển lớn đang được Nhà nước tập trung xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng như Cái Lân, Dung Quất, Hải Phòng…Việc Việt Nam gia nhập WTO, nhu cầu thông thương hàng hóa sẽ tăng rất nhiều, trong đó vận tải biển là ngành có cước phí rẻ nhất. Đây là cơ hội để phát triển kinh doanh đội tàu của Việt Nam nói chung và của Vitranschart nói riêng.

8.2.2. Triển vọng phát triển thương mại

Vì phần lớn lượng hàng hoá được Công ty nhập khẩu về để bán là các sản phẩn nguyên liệu dùng cho ngành sản xuất xi măng nên sự biến động hay phát triển lên xuống của ngành cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Theo Bộ Công Thương, triển vọng tăng trưởng hàng năm của nhu cầu xi măng trong giai đoạn 2008- 2010 là 11%, giai đoạn 2011 - 2016 vào khoảng 9%/năm và giai đoạn 2016 -2020 là 4,5%/năm. Nhu cầu xi măng được ước lượng sẽ đạt 76 triệu tấn vào năm 2015, hơn gấp 2 lần nhu cầu năm 2007.

Dự báo các chỉ tiêu kinh tế ngành xi măng giai đoạn 2007-2010

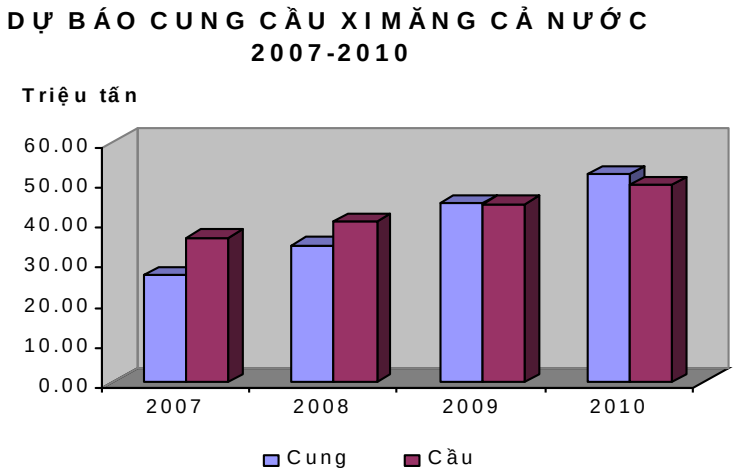

Sự phát triển không ngừng của ngành tạo ra nhu cầu về các sản phẩm nguyên liệu cho sản xuất xi măng trong nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp tục phát triển thị trường truyền thống là mua bán nguyên liệu cho ngành xi măng.

8.2.3. Triển vọng phát triển trong lĩnh vực cho thuê thuyền viên

Hiện nay, thị trường thuyền viên cho thuê đang rất khan hiếm, nhất là các sĩ quan quản lý và sĩ quan vận hành. Do vậy, sĩ quan, thuyền viên trình độ chuyên môn, thâm niên đi biển và tay nghề cao thường xuyên được các chủ tàu trong và ngoài nước thu hút. Ước tính, Việt Nam sẽ thiếu hụt khoảng 800 thuyền viên vào năm 2010. Nếu tính cả số sĩ quan tham gia vào thị trường xuất khẩu thì con số này sẽ không dưới 1.000 người.

8.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam hàng năm khoảng 7% và tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu từ 15-20%/năm. Vận chuyển hàng hoá tăng trưởng nhanh chóng, trong đó vận chuyển bằng đường biển chiếm 80% tổng khối lượng trong khi các đội tàu trong nước không đáp ứng kịp do vậy giá cước liên tục tăng và duy trì ở mức cao, đây là cơ hội tốt cho ngành vận tải biển phát triển. Nắm bắt được những cơ hội và xu thế của ngành, Công ty đã chọn giải pháp thích hợp để tăng cường năng lực khai thác của đội tàu như trẻ hóa và tăng trọng tải và chất lượng dịch vụ, thanh lý các tàu già, cũ, trang thiết bị lạc hậu (Sài gòn 3, Sài gòn 5, Long An) với tổng trọng tải 39.778 DWT, có tuổi từ 26-28. Bên cạnh đó Công ty sẽ mua bổ sung 02 tàu handysize có trọng tải từ 25.000 – 35.000 DWT nhỏ hơn 10 tuổi hoặc 1 tàu Supramax có trọng tải trên 53.000 DWT. Công ty nhận 1 tàu đóng mới Handyside 22.500 DWT và mua thêm 1 tàu 23.492 DWT trong tháng 02 năm 2009 để bổ sung vào năng lực vận tải của Công ty và hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2008.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là 1.548 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Số CB.CNV 31/12/2007	Số CB.CNV 31/12/2008	Tỷ trọng
	Tổng số lao động	**1.495**	**1.548**	**100%**
1	**Phân theo trình độ lao động**	**1.495**	**1.548**	**100%**
	Tiến sĩ	1	1	0,1%
	Thạc sĩ	7	10	0,7%
	Đại học	519	521	33,6%
	Cao đẳng	145	169	10,9%
	Trung cấp	161	205	13,2%
	Công nhân kỹ thuật	499	374	24,2%
	Trình độ khác	163	268	17,3%
2	**Phân theo công việc**	**1.495**	**1.548**	**100%**
	Khối trên bờ	412	442	28,6%
	Khối thuyền viên	1083	1.106	71,4%

STT	Chỉ tiêu	Số CB.CNV 31/12/2007	Số CB.CNV 31/12/2008	Tỷ trọng
3	**Phân theo hợp đồng lao động**	**1.495**	**1.548**	**100%**
	HĐLĐ không thời hạn	695	628	40,6%
	HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	609	754	48,7%
	HĐLĐ dưới 1 năm	191	166	10,7%

Nguồn: Vitranschart

9.2. Chính sách đối với người lao động:

- ***Về chế độ làm việc nghỉ ngơi:***

Công ty thực hiện theo chế độ làm việc theo quy định của Bộ Luật lao động và theo quy định của Công ty là 48 giờ/tuần. Do tính đặc thù của ngành nên Công ty đã vận dụng các chính sách có lợi hơn cho người lao động như: Khối phục vụ và quản lý (trên bờ) làm việc 05 ngày/tuần, còn đối với khối thuyền viên làm việc trên tàu biển là lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm nên đã thực hiện giảm thời gian làm việc là 2giờ/ngày.

- ***Về chính sách tuyển dụng:***

Hàng năm Công ty tuyển dụng lao động đến trên 100 lao động, trong đó sĩ quan thuyền viên theo nhu cầu từ 80-90 lao động, nguồn lao động này từ sinh viên các trường Hàng hải, tốt nghiệp đại học, cao đẳng, sĩ quan thuyền viên từ các đơn vị trong ngành chuyển đến. Việc tuyển dụng lao động qua một quy trình chặt chẽ, nên tuyển chọn được lao động có chất lượng phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty trong từng giai đoạn. Số lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động ngay, đúng quy định, do vậy người lao động yên tâm và gắn bó với Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty có chế độ ưu tiên tuyển dụng lao động là con em cán bộ công nhân viên và sĩ quan thuyền viên khi đủ các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định.

Song song đó, Công ty cũng có những quy định, kỷ luật chặt chẽ đối với người lao động về các chế độ chấm dứt hợp đồng lao động, trợ cấp thôi việc theo đúng luật.

- ***Về chính sách đào tạo:***

Trong thời gian qua Công ty đã đầu tư cho đội ngũ CB-CNV với mục tiêu có đầy đủ tri thức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, do vậy Công ty đã tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ cho CBCNV theo đúng quy trình tuyển dụng lao động và quản lý, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Hình thức đào tạo phong phú, tại chỗ, các trường, trên các tàu, trong và ngoài nước.

Đối với cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật: Tập trung bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý đấu thầu, đầu tư, luật thương mại, kỹ thuật và các chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ ngắn ngày, chế độ chính sách về lao động dôi dư, các công tác về An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, thi nâng bậc, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tuyển dụng v.v…

- ***Về chính sách lương, thưởng và phúc lợi:***

✓ **Chính sách lương – thưởng:**

Công ty có Quy chế về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, phúc lợi hấp dẫn nhằm thu hút lao động có chất lượng tốt về làm việc và gắn bó với Công ty, tạo điều kiện thuận lợi nhất để CBCNV, SQTV thỏa mãn nhu cầu phát triển, khẳng định bản thân và có cơ hội tốt nhất để đóng góp vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Định kỳ, hàng tháng, hàng quý Công ty có tiền thưởng khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ giao trong tháng, trong quý gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc được giao của đơn vị và cá nhân. Các ngày lễ lớn trong năm, cuối năm đều có tiền thưởng có giá trị từ 1,5 đến 3 tháng lương thực trả trong năm.

✓ **Phúc lợi Công ty**

Phục vụ cho các hoạt động chung, tham quan du lịch trong và ngoài nước. Trong đợt Công ty chuyển sang cổ phần, Công ty đã chia quỹ khen thưởng và hỗ trợ từ quỹ phúc lợi để CBCNV, SQTV mua hết số cổ phần theo giá ưu đãi theo quy định.

10. Chính sách cổ tức:

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ. Dự kiến của Công ty trong ba năm tới mức trả cổ tức cho các cổ đông Công ty được Đại Hội Đồng cổ đông thành thông qua là: năm 2008 là 11%; năm 2009 là 12 % và năm 2010 tăng lên 13%. Thực tế mức cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm 2008 là 25%. Mức cổ tức thực tế sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua tùy thuộc vào tình hình kinh doanh cụ thể qua từng năm.

11. Tình hình hoạt động tài chính:

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

b) Trích khấu hao tài sản cố định:

Trong các năm 2004, 2005 hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều thuận lợi, đạt hiệu quả cao, vì vậy công ty đã đề nghị và được Bộ Tài chính cho phép thực hiện trích khấu hao nhanh, để tăng nguồn đầu tư phát triển đội tàu biển. Năm 2006 Công ty áp dụng mức khấu hao bình thường theo quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC quy định về chế độ khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính làm chi phí khấu hao năm 2006 giảm so với năm 2005, nhưng tỷ lệ khấu hao được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Trong năm 2006 và 2007 Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của từng tài sản. Sang năm 2008 với những chiến lược kinh doanh và tận dụng nguồn vốn để tái đầu tư Công ty đã áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với các tàu. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định theo báo cáo kiểm toán năm 2007:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị: 03 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 03 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 – 05 năm

c) Mức thu nhập bình quân:

Thu nhập bình quân đầu người qua các năm

Năm	2005	2006	2007	2008
Thu nhập bình quân (VND/người/tháng)	**6.728.800**	**6.600.100**	**8.318.800**	**14.000.000**

Nguồn: Vitranschart

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2006-2007, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e) Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

- ✓ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Vitranschart là 28%/năm trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế nhập doanh nghiệp 2 năm và được giảm 50% trong 2 năm tiếp theo dựa trên theo qui định tại Quyết định 149/2003/QĐ-TTg ngày 21 tháng 07 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ đối với phần lợi nhuận từ các tàu thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định trên mang lại như:
  - Tàu VTC Light
  - Tàu VTC Sky
  - Tài VCT Globe
  - Tài VCT Sun
  - Tài VCT Planet
- ✓ Doanh nghiệp nộp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất đối với các loại hàng hóa dịch vụ như sau:
  - Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, khu chế xuất mức thuế: Không chịu thuế
  - Hoạt động vận tải thuỷ bộ 5%
  - Dịch vụ sửa chữa, container, kho bãi, bán hàng hóa,… 10%
- ✓ Theo biên bản kiểm tra thuế năm 2007 của Cục thuế Tp.HCM tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, phần thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty kê khai miễn giảm theo Quyết định 149/2003/QĐ-TTg ngày 21 tháng 07 năm 2003 trong năm 2007 là 24.156.718.696 đồng. Tuy nhiên, theo ý kiến của Cục thuế Tp. HCM dựa trên công văn số 1623/TCT ngày 24/04/2008 thì Quyết định 149/2003/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành. Vì vậy, đoàn kiểm tra chỉ tạm thời ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo báo cáo Công ty nhưng chưa ra quyết định cuối cùng là Công ty có được miễn giảm hay không. Đoàn kiểm tra thuế của Cục thuế Thành phố HCM sẽ ra quyết định cuối cùng theo ý kiến của Tổng cục thuế về số tiền miễn giảm như trên.

  Khoản lợi nhuận này thuộc năm 2007 (khi Công ty chưa cổ phần hóa) được trả về cho Tổng Công ty Hàng hải và một phần được chia cho quỹ khen thưởng phúc lợi, trong trường hợp Công ty không được miễn giảm khoản thuế thu nhập trên thì Tổng Công ty sẽ phải trả lại phần lợi nhuận này cho doanh nghiệp và giảm trừ quỹ khen thưởng phúc lợi để nộp thuế.
- ✓ Các khoản thuế sẽ thay đổi tuỳ theo các quy định về thuế của Chính phủ trong những năm tới.

f) Trích lập các quỹ:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và

hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Trong năm 2008 Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi 5%, quỹ dự phòng tài chính 5%.

g) Tổng dư nợ vay hiện nay:

Công ty vay nợ ngắn hạn để bù đắp vào nguồn vốn lưu động nhằm thanh toán các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

DƯ NỢ VAY NGẮN HẠN

STT	Khế ước	NGÂN HÀNG	Đáo Hạn	Lãi suất	Số dư đến đến 31/12/2008 (VND)	Tài sản thế chấp
1		NN&PTNT	14/02/09	7,5%	6.868.281.161	Phương Đông 3
Tổng dư nợ vay NH NN&PTNT					**6.868.281.161**	
2	300344	VCB	07/10/08	7,00%	8.924.112.164	Tàu VTC Light
3	302492	VCB	08/10/08	6,50%	5.597.773.242	Tàu VTC Light
4	302960	VCB	18/10/08	6,50%	6.602.015.930	Tàu VTC Light
5	303586	VCB	23/10/08	6,50%	4.877.531.487	Tàu VTC Light
Tổng dư nợ vay NH Vietcombank					**26.001.432.823**	
6		OCB			16.515.854.400	Tàu Far East
Tổng dư nợ vay NH Phương Đông					**16.515.854.400**	
Tổng cộng dư nợ vay ngắn hạn					**49.385.568.384**	

Nguồn: Vitranschart

Vay và nợ trung và dài hạn: Số dư vay và nợ dài hạn là: **1.603.827.294.086** đồng chi tiết bảng kê các hợp đồng khoản vay kèm theo như sau:

DƯ NỢ VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN

STT	NGÂN HÀNG	SỐ DƯ TÀI NỢ VAY ĐẾN 31/12/2008
1	Ngân hàng Hàng Hải	59.840.911.500
2	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	74.274.375.000
3	NH Natixis CN Tp. HCM	375.616.125.000
4	Ngân hàng Á Châu	615.756.187.500
6	Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam	464.528.600.000
8	Ngân hàng Quốc Tế	13.811.095.086
Tổng cộng dư nợ vay trung và dài hạn		**1.603.827.294.086**

Nguồn: Vitranschart

Trong tổng số **1.603.827.294.086** đồng nợ trung và dài hạn có **236.833.429.266** đồng đã đến hạn trả tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 và được chuyển ghi nhận qua nợ ngắn hạn.

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC HỢP ĐỒNG VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN ĐẾN 31/12/2008

STT	NGÂN HÀNG	HẠN MỨC VÀ THỜI HẠN BẮT ĐẦU	MỤC ĐÍCH VAY	LÃI SUẤT	THỜI HẠN VAY	TÀI SẢN THẾ CHẤP
1	MSB HCM	6,250,000 USD, từ 01/12/2003	Mua tàu VTC Star	Sibor 6T + 2,00%/năm	8 năm	Tàu VTC Star
2	VCB HCM	12,698,000 USD, từ 09/05/2005	Mua tàu VTC Light	Sibor 6T + 2,20%/năm	7 năm	Tàu VTC Light
3	NH Natixis CN Tp. HCM	15,000,000 USD, từ 21/09/2005	Mua tàu VTC Sky	Libor 3T + 2,25%/năm	8 năm	Tàu VTC Sky
4	NH Natixis CN Tp. HCM	17,000,000 USD, từ 31/01/2007	Mua tàu VTC Globe	Libor 3T + 1,85%/năm	8 năm	Tàu VTC Globe
5	NH ACB Sở Giao dịch	26,000,000 USD, từ 21/01/2008	Mua tàu VTC Sun	Sibor 6T + 2,00%/năm	8 năm	Tàu VTC Sun,và tàu Phương Đông 2
6	NH ACB Sở Giao dịch	162.210.000.000 VND, từ 28/05/2008	Mua tàu VTC Planet	1,5%/tháng và 0,10%/tháng phí quản lý nợ vay	8 năm	Tàu VTC Planet và Tàu Hawk One
7	NH VDB CN Hải Phòng	83.300.000.000 VND, từ 19/12/2003	Đóng tàu Viễn Đông 3	3,0%/năm	12 năm	Tàu Viễn Đông 3
8	NH VDB CN Hải Phòng	202.147.000.000 VND, từ 28/12/2005	Đóng mới tàu VTC Dragon	6,6%/năm	12 năm	Tàu VTC Dragon
9	NH ACB CN Hà Nội	3,000,000.00 USD, từ 20/09/2007	Đóng mới tàu VTC Dragon,	Sibor 3T + 2,00%/năm	5 năm	Tàu VTC Dragon
10	NH VDB SGD	75.178.000.000 VND, từ 20/09/2005	Đóng mới tàu Viễn Đông 5,	6,6%/năm	12 năm	Tàu Viễn Đông 5

STT	NGÂN HÀNG	HẠN MỨC VÀ THỜI HẠN BẮT ĐẦU	MỤC ĐÍCH VAY	LÃI SUẤT	THỜI HẠN VAY	TÀI SẢN THẾ CHẤP
11	NH VIB CN Sài Gòn	1,073,518 USD, từ 20/08/2007	Đóng mới tàu Viễn Đông 5,	Sibor 6T + 2,30%/năm	4 năm	Tàu Viễn Đông 5
12	NH VDB CN Hải Phòng	207.000.000.000 VND, từ 29/12/2006	Đóng mới tàu VTC Phoenix,	7,8%/năm	12 năm	Tàu VTC Phoenix
13	MSB HCM	44.415.000.000 VND, từ 29/01/2008	Đóng mới tàu VTC Phoenix,	1,05/tháng	7,5 năm	Tàu VTC Phoenix

Nguồn: Vitranschart

h) Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu ngắn hạn:

Đơn vị tính:Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	31/12/2008
Phải thu của khách hàng	103.235	31.534	38.926
Trả trước cho người bán	56.501	80.356	48.531
Các khoản phải thu khác	18.655	295.454	2.009
Tổng cộng	**178.392**	**407.344**	**89.467**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và báo cáo tài chính năm 2008(chưa kiểm toán)

Trong năm 2007 Công ty cổ phần hoá và phần thặng dư vốn khi bán đấu giá cổ phần Công ty chưa nhận được tiền vào thời điểm lập báo cáo nên số dư tài khoản phải thu khác là số tiền thặng dư vốn cổ phần đến cuối năm 2008 Công ty đã thực hiện xong các nghiệp vụ này.

Các khoản nợ phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	31/12/2008
Nợ ngắn hạn	**499.079**	**839.766**	**620.530**
Vay và nợ ngắn hạn	289.231	271.653	286.447
Phải trả cho người bán	59.323	71.028	60.468
Người mua trả tiền trước	45.091	61.670	45.761
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.300	2.657	20.017

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	31/12/2008
Phải trả người lao động	42.787	44.670	67.778
Chi phí phải trả	44.952	54.027	45.040
Các khoản phải trả phải nộp khác	11.395	334.062	95.019
Nợ dài hạn	**464.751**	**874.261**	**1.368.736**
Vay và nợ dài hạn	463.194	873.814	1.366.994
Phải trả dài hạn khác	580	329	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	977	118	1.742
Tổng	**963.830**	**1.714.027**	**1.989.266**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và báo cáo tài chính năm 2008(chưa kiểm toán)

Vì tính đặc thù của ngành, phần lớn nhân viên Công ty là làm việc trên các tàu và thời gian các thuyền viên đi trên tàu rất lâu có khi lên đến hơn một năm mới về Việt Nam, nên các chi phí phải trả cho cán bộ công nhân viên khá cao là do tàu chưa về nên chưa nộp chứng từ quyết toán các chi phí phải trả cho các thuyền viên vào thời điểm báo cáo.

Khoản phải trả phải nộp khác vào thời điểm cuối năm 2007 là phần thặng dư vốn cổ phần sau khi bán đấu giá ra công chúng mà Công ty phải trả về cho Tổng Công ty hàng hải, qua năm 2008 Công ty đã chuyển trả khoản thặng dư vốn khi đấu giá cổ phần về cho Tổng công ty. Chỉ còn lại một phần thặng dư vốn thu được từ bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên.

Trong cuối năm 2007 và đầu năm 2008 Công ty có mua 2 tàu mới có tổng trọng tải 45.757 DWT. Hơn 56% giá trị các tài sản này là vốn vay tại các ngân hàng nên các khoản vay dài hạn tăng lên trong năm 2008.

11.2 Giải trình các khoản loại trừ trong báo cáo kiểm toán năm 2007.

a. Loại trừ báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc trong năm 2007

Báo cáo kiểm toán năm 2007 loại trừ báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Quảng Ninh

Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Đà Nẵng

Chi nhánh Qui Nhơn

Lý do:

Do báo cáo tài chính của các chi nhánh trên chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong báo cáo tài chính hợp nhất và hầu hết chứng từ được lưu tại các chi nhánh nên đơn vị kiểm toán không thực hiện kiểm toán.

Tổng hợp số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của các chi nhánh được nêu ở bảng bên dưới (Số liệu lấy theo báo cáo tài chính kết thúc 31/12/2007)

ĐVT: VND

Khoản mục	Báo cáo hợp nhất (1)	Tổng hợp 4 chi nhánh (2)	Tỷ trọng (2/1)
1. Tổng Tài Sản	2.196.975.506.666	10.031.559.015	0.46%
2. Tổng Doanh Thu Thuần	1.408.349.521.556	11.864.388.955	0.84%
3. Tổng Lợi Nhuận Trước Thuế	97.667.837.709	18.461.309	0.02%

b. Loại trừ hàng tồn kho của các tàu đang vận chuyển hàng vào thời điểm 31/12/2006 và 31/12/2007

Báo cáo kiểm toán năm 2006, 2007 loại trừ khoản mục hàng tồn kho tại các tàu đang vận chuyển hàng hóa cho khách hàng vào thời điểm 31/12/2006 và 31/12/2007 lần lượt là 26.321.232.862 VND và 54.884.199.184 VND do không thể kiểm tra được số lượng cũng như tình trạng của hàng tồn kho tại các thời điểm trên.

Lý do:

Các khoản hàng tồn kho bị loại trừ là nhiên liệu trên các tàu đang vận chuyển hàng hóa cho khách hàng. Do đặc thù hoạt động kinh doanh của đơn vị vận tải biển có thời gian vận chuyển khá dài (có khi kéo dài đến hơn 1 năm). Tùy vào lộ trình cụ thể, từng tàu sẽ có kế hoạch cấp nhiên liệu trên suốt hành trình tại từng cảng nhất định.

Công ty thực hiện nhập hàng tồn kho theo thực tế mua. Theo quy trình, tất cả các tàu phải báo cáo lại số lượng đã sử dụng và nhập thêm (nếu có) về Công ty vào 12 giờ trưa mỗi ngày. Bộ phận kế toán so sánh đối chiếu với định mức tiêu hao nhiên liệu theo từng tàu rồi hạch toán chi phí tương ứng. Sau khi tàu về cảng tại Việt Nam, bộ phận Vật tư dựa vào định mức tiêu hao, kiểm kê hàng tồn kho thực tế so với số sổ sách và quyết toán số lượng nhiên liệu thực tế đã sử dụng. Vì vậy, vào thời điểm 31 tháng 12 hàng năm không thể thực hiện kiểm kê được hàng tồn kho trên các tàu.

Chi tiết tồn kho và định mức tiêu hao nhiên liệu của các tàu tại thời điểm 31/12/2007 là trùng khớp nhau

c. Loại trừ các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2006 và 31/12/2007

Báo cáo kiểm toán năm 2006, 2007 loại trừ các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2006 và 31/12/2007 lần lượt là 4.077.777.258 VND và 12.518.426.927 VND liên quan đến các vấn đề thưởng phạt được qui định trong hợp đồng vận tải biển và các khoản cảng phí dự kiến thu do không có bằng chứng về tính đầy đủ và chính xác.

Lý do:

Với đặc thù của ngành vận tải đường thủy, trong trường hợp bên thuê tàu bốc dỡ hàng hoá lên và xuống tàu nhanh hoặc chậm hơn thời gian cam kết trên hợp đồng thì bên thuê tàu sẽ chịu một khoản tiền phạt hoặc tiền thưởng theo qui định trong hợp đồng. Khi bên thuê tàu thanh toán cước vận tải lần đầu cho chủ tàu sẽ giữ lại 3% đến 5% tổng tiền cước liên quan đến các khoản thưởng phạt trên. Khoản tiền này sẽ được quyết toán sau khoảng 07 (bảy) ngày tùy theo hợp đồng khi hoàn tất việc dỡ hàng.

Hầu hết các nhà bốc dỡ hàng hóa từ nước ngoài nên việc đối chiếu công nợ khó khăn, mất thời gian.Việc thu thập các biên bản đối chiếu vào thời điểm ra báo cáo kiểm toán là khó thực hiện được. Tuy nhiên, các khoản phải thu này đã thu được tiền vào năm sau

d. Loại trừ các khoản tạm ứng

Báo cáo kiểm toán năm 2006, 2007 loại trừ các khoản tạm ứng tiền ăn và tiền lương cho thuyền viên tại thời điểm 31/12/2006 và 31/12/2007 lần lượt là 8.784.954.157 VND và 5.168.465.151 VND do các tàu đang vận chuyển hàng cho khách hàng.

Lý do:

Vì tính đặc thù của ngành vận tải, các thuyền viên phải theo tàu với thời gian dài và phát sinh tạm ứng với Công ty. Công ty chuyển tiền cho các đại lý tại các cảng mà tàu neo đậu, các thuyền viên nhận tiền tạm ứng của mình tại các đại lý này. Khi về đến Việt Nam các thuyền viên quyết toán các khoản tạm ứng này với Công ty. Do đó tại thời điểm kiểm toán không thể xác nhận được số tiền tạm ứng này với các thuyền viên.

Số dư các khoản tạm ứng tại thời điểm 31/12/2006 đã được quyết toán hết trong năm 2007. Tương tự, số dư các khoản tạm ứng tại thời điểm 31/12/2007 đã được quyết toán trong năm 2008.

e. Loại trừ các khoản phải thu khách hàng đã đủ điều kiện xóa nợ nhưng chưa xử lý tại thời điểm 31/12/2006

Báo cáo kiểm toán năm 2006 loại trừ khoản phải thu khách hàng đã đủ điều kiện xóa nợ nhưng Công ty chưa xử lý theo kết luận của thanh tra công tác quản lý tài chính các năm 2005, 2006 số 132/TTr-KLTT ngày 26 tháng 7 năm 2007 của thanh tra Bộ tài chính với số tiền là 7.585.634.382 VND.

Lý do:

Khoản phải thu này đã được Công ty xử lý trong năm 2007 bằng nguồn dự phòng

11.3 Giải thích chênh lệch giữa số liệu đầu kỳ năm 2008 với số liệu báo cáo kiểm toán năm 2007.

Số liệu điều chỉnh bên phần tài sản trên bảng cân đối kế toán

STT	TÀI SẢN	Số báo cáo 31/12/2007	Số điều chỉnh	Số đầu năm 01/01/2008	Ghi chú
1	Các khoản phải thu khác	297.395.856.266	213.760.991	297.609.617.257	(1)
2	Tài sản ngắn hạn khác	5.595.619.461	10.213.500	5.605.832.961	(1)
3	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	1.734.431.504.633	435.134.383.011	2.169.565.887.644	(1)
4	Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ hữu hình	(683.212.150.961)	(15.937.618.927)	(699.149.769.888)	(1)
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	498.851.662.024	(433.612.233.893)	65.239.428.131	(1)
6	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.673.647.149	(1.127.614.243)	3.546.032.906	(2)
Cộng		**1.857.736.138.572**	**(15.319.109.561)**	**1.842.417.029.011**	

Số liệu điều chỉnh bên phần nguồn vốn trên bảng cân đối kế toán

4	NGUỒN VỐN	Số báo cáo 31/12/2007	Số điều chỉnh	Số đầu năm 01/01/2008	Ghi chú
1	Phải trả người bán	70.665.989.499	(8.349.400)	70.657.640.099	(1)
2	Người mua trả tiền trước	63.144.397.383	(13.129.476.853)	50.014.920.530	(1)
3a	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.628.941.407	(341.680.234)	2.287.261.173	(1)
3b	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.287.261.173	2.529.319.548	4.816.580.721	(2)
4	Phải trả người lao động	44.669.926.557	198.422.542	44.868.349.099	(1)
5	Chi phí phải trả	52.001.971.431	(7.386.876.377)	44.615.095.054	(1)
6a	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	330.345.852.612	3.517.575.352	333.863.427.964	(1)
6b	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	333.863.427.964	56.193.442.684	390.056.870.648	(3)
7	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	172.012.683.621	227.987.316.379	400.000.000.000	(3)
8	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	174.003.920.031	(174.003.920.031)		(3)
9	Quỹ đầu tư phát triển	37.011.984.260	(37.011.984.260)		(3)
10	Quỹ dự phòng tài chính	5.947.124.771	(5.947.124.771)		(3)
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	98.734.341.791	(98.734.341.791)		(3)
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.818.567.651	30.818.567.651	(3)
	Cộng	**1.387.317.822.500**	**(15.319.109.561)**	**1.371.998.712.939**	

Nguồn: Vitranschart

(1): Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Kiểm toán Nhà nước.

(2): Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2007 của Đoàn kiểm tra thuộc Cục thuế TPHCM.

(3): Phân phối lợi nhuận theo Nghị định 199//2004/NĐ – CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ và tất toán vốn do chuyển DNNN sang công ty cổ phần..

11.4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ Tiêu	Năm 2006	Năm 2007	31 Tháng 12 Năm 2008
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,75	0,71	0,76
- Hệ số thanh toán nhanh	0,67	0,63	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	69%	78%	78%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	222%	355%	358%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	39,00	16,77	48,04
- Vòng quay tổng tài sản	1,35	0,64	0,84
- Vòng quay tài sản cố định	1,84	0,88	1,03
- Vòng quay vốn lưu động	5,02	2,37	4,54
- Vòng quay các khoản phải thu	18,27	44,66	54,96
- Vòng quay các khoản phải trả	31,79	19,83	35,38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2%	7%	10%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8%	20%	37%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	20%	47%	52%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	2%	4%	8%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	2%	8%	0%

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và kế toán trưởng

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức danh
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Mai Văn Phúc	1957	100630526	Chủ tịch HĐQT
2	Huỳnh Hồng Vũ	1957	022600961	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lê Thị Lan	1955	024415878	Thành viên HĐQT
4	Trương Đình Sơn	1955	020140622	Thành viên HĐQT

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức danh
5	Tô Tấn Dũng	1959	022640540	Thành viên HĐQT
6	Tô Thị Thu Vân	1971	023208775	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Minh Cường	1974	022718191	Thành viên HĐQT
II	**Ban Giám đốc**			
1	Huỳnh Hồng Vũ	1957	022600961	Tổng Giám đốc
2	Lê Thị Lan	1955	024415878	Phó Tổng Giám đốc
3	Trương Đình Sơn	1955	020140622	Phó Tổng Giám đốc
III	**Ban Kiểm soát**			
1	Thái Văn Can	1955	024278928	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Băng Tâm	1961	022076413	Thành viên BKS
3	Lê Thị Hồng Ánh	1980	023624079	Thành viên BKS
IV	**Kế toán trưởng**			
1	Vũ Minh Phượng	1959	022438201	Kế toán trưởng

Nguồn: Vitranschart

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT

Ông **Mai Văn Phúc**: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/03/1957
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số chứng minh nhân dân : 100630526
- Ngày cấp : 17/03/2004
- Nơi cấp : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 602 B2 Làng Quốc Tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : (04) 35770885 DĐ: 0903455300
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học (Cử nhân Ngoại Ngữ)
- Quá trình công tác :

+ Từ 08/1973 đến 07/1977: Học trung cấp Kỹ thuật cầu đường Cộng hoà Dân chủ Đức.

+ Từ 07/1977 đến 04/1978: Công nhân Công ty Cầu đường Hải Phòng

+ 05/1978 đến 08/1980 : Các bộ Đại lý Hàng hải Việt Nam

+ 08/1980 đến 05/1990 : Cán bộ, Trưởng Chi nhánh Đại lý Hàng hải Quảng Ninh tại Cẩm Phả, Phó phòng Đại lý tàu, Đại lý Hàng hải Quảng Ninh.

+ 05/1990 đến 04/1996 : Phó giám đốc, Giám đốc, Bí thư Chi bộ Đại lý Hàng hải Quảng Ninh.

+ 04/1996 đến 04/2004 : Phó Tổng giám đốc Đại lý Hàng hải Việt Nam kiêm Giám đốc Đại lý Hàng hải Quảng Ninh.

+ 04/2004 đến 05/2005 : Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư đường biển.

+ 06/2005 đến 04/2007 : Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy cơ quan Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

+ 04/2007 đến 06/2007 : Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

+ 06/2007 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Chủ tich Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

- Số cổ phần nắm giữ : 5.200.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước :5.200.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

b) Thành viên HĐQT

Ông **Huỳnh Hồng Vũ:** Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/08/1957
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân : 022600961
- Ngày cấp : 13/03/2006
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 491/52, đường Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 39 404 271 – Máy nhánh 232, DĐ: 0903706968
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác vận tải biển, Thạc sĩ kinh tế vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

  + Từ 1982 đến 1998: Làm việc tại Cảng Sài Gòn qua các chức vụ Phó trưởng phòng điều độ, Giám đốc XN Xếp dỡ Cảng Nhà Rồng, Giám đốc Trung tâm Điều độ.

  + Từ 1999 đến 2005: Phó Giám đốc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam.

  + Từ 2005 đến 12/2007: Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách; Tổng Giám đốc Công ty; Phó Bí thư Đảng uỷ Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

  + Từ 2008 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; Phó Bí thư Đảng uỷ Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

- Số cổ phần nắm giữ: 4.802.400 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phần

  + Đại diện vốn Nhà nước: 4.800.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :

  + Vợ Vũ Thị Liên Hương: 70.000 Cổ phần.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

c) Thành viên HĐQT

Bà **Lê Thị Lan**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 19/10/1955
- Nơi sinh : Quảng Trị
- Số chứng minh nhân dân : 024415878
- Ngày cấp : 19/10/2005
- Nơi cấp : TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 33, đường Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 39 404 271 – Máy nhánh 232, DD: 0903706968
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán, cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

  + Từ 1980 đến 1987: Kế toán viên, Tổ trưởng, kế toán trưởng Chi Cục Thuế Công thương nghiệp Hậu Giang

  +Từ 1987 đến 1993: Kế toán viên phòng tài chính kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  +Từ 1993 đến 1995: Phó trưởng phòng tài chính kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  +Từ 1995 đến 2006: Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  +Từ 2006 đến 2007: Phó Tổng Giám đốc; Bí thư Đảng uỷ Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  +Từ 2008 đến nay: Uỷ viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc; Bí thư Đảng uỷ Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

- Số cổ phần nắm giữ : 4.407.500 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.500 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.400.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :

  + Chồng Trịnh Đức Quạt: 9.000 Cổ phần.

  + Em ruột: Lê Văn Bảo: 1.300 Cổ phần

  + Con ruột Trịnh Lan Hương: 5.000 Cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

d) Thành viên HĐQT

Ông **Trương Đình Sơn**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/08/1955
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Số chứng minh nhân dân : 020140622
- Ngày cấp : 20/08/1998
- Nơi cấp : TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 100/2, Nguyễn Đình Chiểu, phường ĐaKao, quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 39 404 271 – Máy nhánh 233, DD: 0908020305
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực.
- Quá trình công tác:

  + Từ 1984 đến 1994: Cán bộ kỹ thuật, phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  + Từ 1994 đến 2004: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  + Từ 2004 đến 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

+ Từ 2008 đến nay : Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc; Ủy viên Ban Thường Vụ Đảng ủy Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

- Số cổ phần nắm giữ: 4.852.600 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 52.600 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.800.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :

+ Em ruột : Trương Thị Thu Thủy : 8.000 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

e) Thành viên HĐQT

Ông **Tô Tấn Dũng**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/09/1959
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân : 022640540
- Ngày cấp : 28/11/2007
- Nơi cấp : TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 3E/9 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 38244479, DĐ 0903737434
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tổ chức và quản lý vận tải biển, Kỹ sư điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh, cử nhân Anh văn, cao cấp lý luận chính trị.
- Quá trình công tác:

+ Từ 1984 đến 1988: Giáo viên Trường Đại học Bách khoa TP.HCM

+ Từ 1988 đến 1994: Chuyên viên phòng Tổ chức Cán bộ Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 1994 đến 2007: Chuyên viên, Phó Giám đốc, Phó Giám đốc Phụ trách, Giám đốc Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC) thuộc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT; Giám đốc Trung tâm đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC); Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty.

- Số cổ phần nắm giữ: 4.812.100 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 12.100 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.800.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

f) Thành viên HĐQT

Bà **Tô Thị Thu Vân**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 2/8/1971
- Nơi sinh : Hà Đông
- Số chứng minh nhân dân : 023208775
- Ngày cấp : 02/07/2007
- Nơi cấp : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 196/2/19 Tô Hiến Thành , P.15,Q.10, TpHCM
- Điện thoại liên lạc : 0908099898
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

  + Từ 2000 đến 2006: Trưởng Phòng cung ứng Công ty TM SX Tín Thành

  + Từ 2006 đến nay: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty TNHH TM thực phẩm Phú Thuận, Thành viên Hội đồng Quản trị

- Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

g) Thành viên HĐQT

Ông **Nguyễn Minh Cường**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27 / 09 / 1974
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Số chứng minh nhân dân : 022718191
- Ngày cấp : 21 / 08 / 2008
- Nơi cấp : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 60, đường Vân Côi, phường 7, quận Tân Bình, TPHCM
- Điện thoại liên lạc : 0908080799
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Nghiên cứu sinh kinh tế, Kỹ sư hóa.
- Quá trình công tác:

  + Từ 1999 đến 2007: Trưởng phòng quản lý bán hàng A&T Computer Ptl LTD.

  + Từ 2007 đến 2008: Giám đốc dự án Công ty cổ phần đầu tư Việt Nhật

  + Từ 2008 đến nay: Trưởng phòng phân tích Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Tourist, Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

- Số cổ phần nắm giữ : Không cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

a) Trưởng Ban Kiểm soát

Ông **Thái Văn Can**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/12/1955
- Nơi sinh : Bình Định
- Số chứng minh nhân dân : 024278928
- Ngày cấp : 16/08/2004
- Nơi cấp : TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 46/4Z, đường Phạm Văn chiêu, phường 9, quận Gò Vấp,TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 9 404 271 – Máy nhánh 207, DĐ: 0903775061
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh, cao cấp lý luận chính trị.
- Quá trình công tác:

  + Từ 1980 đến 1984: Kỹ thuật viên, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng C23 Trường Sĩ quan Tăng Thiết Giáp, Long Thành Đồng Nai

  + Từ 1984 đến 1986: Thợ máy, đốc công xí nghiệp Sửa chữa tàu biển thuộc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

  + Từ 1986 đến 2006: Chuyên viên, Phó trưởng phòng Lao động tiền lương, Phó Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

  + Từ 2006 đến 2007: Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát; Trưởng phòng Tổ chức – Lao động Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

- Số cổ phần nắm giữ : 2.600 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

  + Vợ Hoàng Thị Diễm : 20.000 Cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

b) Thành viên Ban kiểm soát

Bà **Nguyễn Thị Băng Tâm**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1961
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số chứng minh nhân dân : 022076413
- Ngày cấp : 29/10/1998
- Nơi cấp : TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 129/5, đường Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 9 404 271 – Máy nhánh 258, DĐ: 0903341221
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển, Cử nhân Ngữ Văn Anh
- Quá trình công tác:

  + Năm 1984 :Kế toán viên, Tổng cục đường biển.

  + Từ 1984 đến 1991 : Kế toán viên, phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

  + Từ 1991 đến 1995 : Phụ trách Kế toán Công ty FALCON liên doanh với Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 1995 đến 1996 : Phụ trách Kế toán Công ty Vận tải dầu khí Việt Nam.

+ Từ 1996 đến 1997 : Chuyên viên, phòng Giao nhận vận chuyển Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 1997 đến 2006 : Kế toán trưởng Công ty Đại lý P&O Nedlloyd Việt Nam thuộc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2006 đến 2007 : Chuyên viên, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2008 đến Nay : Phó Trưởng phòng Đầu tư Phát triển, Thành viên ban kiểm soát Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

- Số cổ phần nắm giữ : 7.200 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

c) Thành viên Ban kiểm soát

Bà **Lê Thị Hồng Ánh**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/05/1980
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Số chứng minh nhân dân : 023624079
- Ngày cấp : 25/12/1997
- Nơi cấp : CA.TPHCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 30/8 Cư Xá Tự Do, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 07, quận Tân Bình, Tp.HCM
- Số ĐT liên lạc : 0918.374.061
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Tài Chính – Tín Dụng
- Quá trình công tác:

+ Từ 2002 đến 2004 : Nhân viên Ngân Hàng Indovina

+ Từ 2004 đến Nay :Trưởng Phòng giao dịch Ngân Hàng Techcombank, Thành viên ban kiểm soát Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

- Số cổ phần nắm giữ : Không
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:

a. Tổng Giám đốc

Ông **Huỳnh Hồng Vũ** **(Xem Chi tiết 12.1.b)**

b. Phó Tổng Giám đốc

Ông **Lê Thị Lan** **(Xem Chi tiết 12.1.c)**

c. Phó Tổng Giám đốc

Ông **Trương Đình Sơn** **(Xem Chi tiết 12.1.d)**

12.4. Kế toán trưởng :

Bà **Vũ Minh Phượng**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22/08/1959
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân : 022438201
- Ngày cấp : 11/04/1997
- Nơi cấp : TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 204 B-D, đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 39 404 271 – Máy nhánh 126, DĐ: 0903913895
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Sĩ quan bảo vệ an ninh kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cao cấp lý luận chính trị

- Quá trình công tác:

  + Từ 1981 đến 1984: Cán bộ, Cục Công tác chính trị Bộ nội vụ

  + Từ 1984 đến 1990: Cán bộ phòng Công tác chính trị Công an TP.Hồ Chí Minh

  + Từ 1990 đến 1998: Phó phòng Tài chính kế toán, kế toán trưởng Xí nghiệp LD Vietsovlighter.

  + Từ 1998 đến 2006: Kế toán viên, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

  + Từ 2006 đến 2007: Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

  + Từ 2008 đến Nay : Kế toán trưởng, Uỷ viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

- Số cổ phần nắm giữ: 2.200 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :

  + Chồng Nguyễn Kỳ Trung : 10.000 Cổ phần.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

13. Tài sản:

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2008:

Đơn vị tính:Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ trọng
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.302	5.938	12.364	0,69%
2	Máy móc và thiết bị	1.852	1.428	424	0,02%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.029.315	1.242.885	1.786.429	99,00%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	550	305	245	0,01%
5	Tài sản cố định khác (vô hình)	5.091	147	4.944	0,27%
	Cộng	**3.055.108**	**1.250.704**	**1.804.405**	**100%**

Nguồn: Vitranschart

Giá trị nguyên giá tài sản cố định thay đổi qua các năm đến thời điểm 31/12/2008:

Đơn vị tính:Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Đến 31/12/2008	Tỷ trọng
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.482	7.505	18.302	0,60%
2	Máy móc và thiết bị	429	429	1.852	0,06%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.397.614	2.159.690	3.029.315	99,16%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.895	1.941	550	0,02%
5	Tài sản cố định khác (vô hình)	2.843	5.091	5.091	0,17%
	Cộng	**1.410.264**	**2.174.656**	**3.055.108**	**100%**

Vì tính chất đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là vận tải bằng đường biển nên tỷ trọng tài sản cố định là phương tiện vận tải là rất lớn chiếm 99,16 % trong tổng tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2008. Trong 9 tháng đầu năm Công ty đã mua thêm 2 tàu mới là VTC Sun và VTC Planet nên giá trị nguyên giá tài sản cố định tăng lên đáng kể từ **2.174.656** triệu đồng lên **3.055.108** triệu đồng.

Danh mục đất đai Công ty đang sử dụng

STT	Địa Điểm	Diện tích	Tình trạng pháp lý	Mục đích sử dụng
1	428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, Tp. HCM	1.053,8 m2	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Sở Tài nguyên và Mội trường Tp.HCM	Văn phòng làm việc Công ty
2	428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, Tp. HCM	3.797 m2	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Công ty Kho bãi Tp.HCM	Văn phòng làm việc, Xưởng sửa chữa và làm bãi để xe
3	438 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, Tp. HCM	118 m2	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Công ty Kho bãi Tp.HCM	Văn phòng làm việc
4	12 Bis Nguyễn Huệ, Q1, P Bến Nghé, TP.HCM	368,8 m2	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Sở Tài nguyên và Mội trường Tp.HCM	Văn phòng làm việc Công ty
5	36 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, Tp. HCM	431 m2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thời hạn đến hết năm 2020	Văn phòng làm việc Công ty
6	Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	30.700,5 m2	Hợp đồng thuê đất của Công ty CP dịch vụ phát triển hạ tầng, thời hạn thuê: 45 năm	Văn phòng làm việc và kho bãi container
7	60 Nguyễn Chí Thanh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	382,7 m2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lâu dài số 303200 ngày 15/06/2007 của UBND TP. Đà Nẵng.	Văn phòng làm việc
8	Tổ 11, Khu 4, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long	195,2 m2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lâu dài số 775171 ngày 5/12/2005 của UBND Tỉnh Quảng Ninh.	Văn phòng làm việc

Nguồn: Vitranschart

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009:

14.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức

a) Điểm mạnh:

- ✓ Vitranschart được biết đến như là một trong những Công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam trong suốt hơn 30 năm qua, có uy tín trên thị trường, có thương hiệu trong và ngoài nước. Đội ngũ CBCNV, sĩ quan thuyền viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành sản xuất. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty chỉ đạo sản xuất kịp thời và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đảng, các đoàn thể động viên toàn thể CBCNV, sĩ quan thuyền viên nỗ lực phấn đấu để sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định và phát triển bền vững.
- ✓ Đội ngũ sĩ quan thuyền viên nhiều kinh nghiệm, có đầy đủ trình độ và bằng cấp cần thiết để có thể cập cảng hầu hết các quốc gia, lãnh thổ trên thế giới.
- ✓ Có mạng lưới các nhà môi giới thực hiện thông tin nhu cầu giữa các chủ hàng với Công ty tạo điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả công suất vận chuyển của các tàu.
- ✓ Trong hoạt động thương mại Công ty có các mối liên hệ mua bán truyền thống các sản phẩm để mua bán các sản phẩm: Clinker, đá vôi… nhập từ nước ngoài về bán nên lợi thế hơn các doanh nghiệp nhập khẩu khác.
- ✓ Một số lộ trình vận chuyển mà Công ty có lợi thế về kinh nghiệm cũng như khả năng cung cấp dịch vụ để đảm bảo an toàn hơn các nhà cung cấp khác như các tuyến đi các nước Châu Mỹ, Châu Phi…
- ✓ Đội tàu Công ty có tuổi bình quân 15 là một trong những đội tàu trẻ nhất Việt Nam, tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đột tàu khác trong nước.

b) Điểm yếu:

- ✓ Các chuyến đi dài ngày trên biển là một khó khăn đối với các thuyền viên.
- ✓ Tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước vừa mới chuyển qua Công ty cổ phần nên cách sắp xếp, tổ chức cơ cấu lại trong doanh nghiệp chưa đi vào ổn định, đang trong quá trình hoàn thiện các hoạt động trong quản lý cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh.

c) Cơ hội:

- ✓ Kim ngạch xuất nhập khẩu trên thế giới cũng như của Việt Nam ngày càng gia tăng là tăng cơ hội phát triển cho ngành vận tải biển khi hơn 80% hàng hóa được vận chuyển bằng đường biển.

- ✓ Là một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận tải biển nên định hướng phát triển ngành của Chính phủ trong tương lai kéo theo những ưu đãi mới cho ngành và Công ty tạo nên những lợi thế trong cạnh tranh với các đối thủ khác.
- ✓ Số lượng các thuyền viên có kinh nghiệm trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của các tàu nên trong hoạt động đào tạo cho thuê thuyền viên của Công ty chiếm lợi thế rất lớn trong cạnh tranh với các Công ty khác.
- ✓ Được vay vốn ưu đãi để phát triển các tàu theo chương trình 32 tàu của Chính phủ. Ngoài ra, Công ty cũng được ưu đãi về thuế khi thực hiện việc mua sắm tàu. Đây là điều kiện tốt để Công ty giảm được giá vốn dịch vụ vận tải để tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ cạnh tranh khác trong và ngoài nước.

d) Thách thức:

- ✓ Lạm phát ngày càng leo thang, giá tàu tăng cao làm cho việc đầu tư mua sắm thêm các tàu mới gặp nhiều khó khăn.
- ✓ Cảng biển Việt Nam chưa đủ điều kiện để Công ty có thể phát triển các tàu có trọng tải lớn.
- ✓ Giá dầu thế giới dao động nhiều trong những tháng qua làm cho Công ty không chủ động được các yếu tố đầu vào làm cho giá vốn hàng bán có thể tăng lên hay giảm đi ngoài dự báo của Công ty.
- ✓ Với các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ hiện nay làm siết chặt lượng vốn đầu tư ra bên ngoài của các ngân hàng, dẫn đến nhu cầu vay vốn của Công ty bị giới hạn làm hạn chế phát triển các tàu mới.
- ✓ Ngoài ra vấn đề bố trí thuyền viên đang rất khó khăn do các sĩ quan thuyền viên có trình độ chuyên môn cao và quản lý cao thường xuyên bị thu hút, lôi kéo bởi các Công ty khác để cung ứng cho các đội tàu trong và ngoài nước với mức lương khá cạnh tranh.
- ✓ Hiện nay hơn 80% thị phần vận tải biển thuộc các Công ty vận tải nước ngoài thực hiện. Vì thế, các Công ty trong nước phải thực hiện các chính sách, chất lượng dịch vụ để tăng cường và phát huy hình ảnh và khả năng phục vụ của Công ty để chia thị phần trong nước với các Công ty nước ngoài.

14.2. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong năm tới

a) Củng cố và phát triển thị trường phân phối sản phẩm

Tăng cường liên hệ với các đối tác là nhà môi giới, chủ hàng để tận dụng hiệu quả năng suất hoạt động của các tàu.

Đối với dịch vụ cho thuê thuyền viên, mở rộng đào tạo nâng cao tay nghề của các sĩ quan thuyền viên đáp ứng các yêu cầu của đối với các cảng biển trên thế giới.

b) Đầu tư phát triển đội tàu:

Trong năm 2008, Vitranschart dự kiến phát triển 4 tàu hàng khô, tổng cộng trọng tải 100.000 DWT, tổng mức đầu tư 120 triệu USD, năm 2009 và năm 2010 mỗi năm tăng thêm 4 tàu hàng khô loại handysize hoặc 2 tàu supramax, tổng mức đầu tư 150 triệu USD/ năm. Từ năm 2011 đến 2013 mỗi năm đầu tư từ 100 đến 150 triệu USD/năm. Bên cạnh đó Công ty cũng có kế hoạch thanh lý các tàu có độ tuổi lớn hoạt động ít hiệu quả hơn thay vào đó là các tàu mới đầu tư làm cho độ tuổi bình quân của các tàu giảm xuống và năng suất khai thác cao hơn.

14.3. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện

Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, tình hình kinh doanh ngành vận tải biển đang gặp khó khăn, giá cước vận tải biển giảm mạnh từ 40% đến 50% so với giá hiện tại do khan hiếm nguồn hàng và giá nhiên liệu giảm. Cùng với các lợi thế của Vitranschart như khai thác các tuyến truyền thống, tải trọng phù hợp,…Ban Giám đốc đề ra kế hoạch kinh doanh khả thi cho các năm 2008, 2009 và năm 2010 như sau.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng trọng tải đội tàu (Nghìn DWT)	306,1	340	400
Vốn Điều lệ	400	435	470
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)	2.100	1.622	1.980
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	272,1	116,8	182
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	13%	7,2%	9,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ (%)	68%	27%	39%
Cổ tức/Mệnh giá	25,0%	15,0%	25,0%

Nguồn: Vitranschart

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

- ✓ Công ty đang đóng mới một tàu hàng khô có trọng tải 22.500 DWT theo hợp đồng số 21/KHĐM ngày 25 tháng 08 năm 2006 với Công ty đóng tàu Bạch Đằng với giá trị hợp đồng 310.901.408.325 đồng (đã bao gồm VAT). Trong tháng 2 năm 2009 Công ty nhận bàn giao tàu.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết : 40.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định : 24.091.600 cổ phiếu

Trong đó :

- Số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập là 24.000.000 cổ phiếu. Việc chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập sẽ tuân thủ theo quy định đang hiện hành của luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Số lượng cổ phiếu của Hội đồng quản trị là 79.600 cổ phần, số lượng cổ phiếu của Ban Kiểm soát là 9.800 cổ phần, Ban Giám đốc đều là thành viên trong Hội đồng quản trị, số lượng cổ phiếu của Kế toán trưởng là 2.200 cổ phần (đã trừ các cổ phiếu trong danh sách cổ đông sáng lập). Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

5. Giá niêm yết dự kiến : 24.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Phương pháp P/E

- Theo kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc, năm 2008 lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam là 272 tỷ đồng. Căn cứ kết quả kinh doanh từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2008, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 272 tỷ đồng (đạt kế hoạch do Ban Tổng Giám đốc đề ra).
- Số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty hiện nay là 40.000.000 cổ phần thì EPS dự kiến theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của Công ty được làm tròn là 4.900 đồng/cổ phần.
- So sánh với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội như Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển (GMD), Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP (VNA), Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu (VIPCO) thì P/E trung bình các công ty có quy mô sản xuất lớn là 5,8.

Mã CK	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (đồng)	P/E
GMD	Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	475.000.000.000	8,8
VNA	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	200.000.000.000	4,0
VFR	Công ty Cổ phần Vận tải Thuê tàu	150.000.000.000	4,8
VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu	590.807.785.000	5,6
P/E trung bình ngành			**5,8**

Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán ngày 28/10/2008

Chỉ số **P/E** bình quân của nhóm ngành vận tải là **5,8**. Nếu loại trừ **GMD** là một trong những cổ phiếu có ngành nghề kinh doanh đa dạng thì chỉ số **P/E** bình quân của nhóm ngành vận tải biển vào khoảng **4,8**.

Do vậy : Giá niêm yết dự kiến = EPS x P/E

= 4.900 đồng/cổ phần x 4,8

= 23.520 đồng/cổ phần

Giá niêm yết dự kiến của Công ty được làm tròn là **24.000** đồng/cổ phần

6.2. Theo phương pháp "Chiết khấu luồng cổ tức":

Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai với giả định giá cổ phiếu bằng giá trị hiện tại của dòng cổ tức tương lai của doanh nghiệp.

Giá cổ phiếu Vitranschart được tính toán dựa trên cơ sở các kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2009 - 2011 của đơn vị và mức độ rủi ro cũng như triển vọng phát triển trong hoạt động của doanh nghiệp.

Trong phương pháp DDM, dự kiến mức tăng trưởng của Vitranschart từ năm 2012 là xấp xỉ 6%/năm. Tỷ lệ chiết khấu sử dụng trong mô hình được xác định là 14.27%.

Giá trị hiện tại một cổ phiếu của doanh nghiệp sẽ được xác định theo công thức:

$$\mathbf{Po = \sum D_i/(1+k)^i + Pn/(1+k)^n}$$

Trong đó:

- Po là giá trị hiện tại một cổ phiếu của doanh nghiệp
- D_i là giá trị cổ tức của năm i (i có giá trị từ 1 cho đến 3) tính cho giai đoạn 2009 -2011 tương ứng 15%/năm với mức tăng trưởng 15%/năm. Mức chia cổ tức dự kiến trong năm 2008 là 30%, đã tạm ứng 25% và dự kiến trả 5% trong năm 2009
- k là tỷ lệ chiết khấu tính theo công thức: k = Lãi suất Trái phiếu Chính phủ 5 năm (9.27%) + Phụ phí rủi ro (5%)
- P_n là giá trị các dòng cổ tức tương lai từ năm 2012 trở đi được tính về thời điểm 2011: $P_n = D_{n+1}/(k-g)$
- g là tỷ lệ tăng trưởng ổn định từ năm 2012 trở của Công ty dự kiến bằng: 6%
- n = 3 (3 năm từ 2009-2011)
- D_{n+1} là giá trị cổ tức năm 2012 = giá trị cổ tức 2011 x (1+g)

Po = 23.976 đồng/1cổ phiếu

Như vậy, theo Phương pháp chiết khấu luồng cổ tức, giá một cổ phiếu Công ty cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển là **23.976 đồng**.

Như vậy, giá niêm yết dự kiến của Công ty được làm tròn là **24.000** đồng/cổ phần.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Tính đến thời điểm 14/10/2008, nhà đầu tư nước ngoài không nắm giữ cổ phiếu tại Vitranschart, như vậy nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm 49%, tương đương 19.600.000 cổ phiếu.

8. Các loại thuế có liên quan:

8.1. Đối với Công ty:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Vitranschart là 28%/năm và 25%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2009.
- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.
- Và được miễn giảm thuế theo quy định của Chính phủ về phát triển các tàu trong nước.
- Tuỳ thuộc vào các quy định cụ thể của Chính phủ về thuế trong từng thời điểm nhất định

8.2. Đối với nhà đầu tư:

Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam quy định hiện nay như sau:

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.
- Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết đến hết năm 2008.
- Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.
- Cũng theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân.
- Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
- Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

Các mức thuế được thay đổi tuỳ vào quy định của Chính phủ nên các nhà đầu tư sẽ áp các quy định gần nhất để đầu tư và nộp thuế tuỳ theo các đối tượng trên quy định.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT:

1. **Tổ chức tư vấn:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Ông Tô Hải: Tổng Giám Đốc

Ông Đinh Quang Hoàn: Giám Đốc Tài Chính Doanh Nghiệp

Ông Trần Thái Phong: Chuyên viên cao cấp Tài Chính Doanh Nghiệp

2. **Tổ chức kiểm toán:**

Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006, 2007:

Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 38272285 Fax: (08) 38272300

VII. PHỤ LỤC:

1. **Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
2. **Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.**
3. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2006.**
4. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2007.**
5. **Báo cáo tài chính 2008.**

Tp.HCM, ngày 18 tháng 02 năm 2009

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT– CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Mai Văn Phúc	**Huỳnh Hồng Vũ**
Trưởng Ban Kiểm soát	Kế toán trưởng
Thái Văn Can	**Vũ Minh Phượng**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN– CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tô Hải